

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



1996  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH**

## **ĐỀ ÁN**

**TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG  
TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT**

**HÀ NỘI - 2021**



## MỤC LỤC

<b>Phần thứ nhất: SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT.....</b>	<b>1</b>
<b>I. BỐI CẢNH VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VỀ PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA .....</b>	<b>1</b>
1. Bối cảnh đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay.....	1
2. Nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, pháp luật.....	2
3. Nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về pháp luật ....	3
4. Nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý .....	4
5. Nhu cầu hội nhập quốc tế .....	4
<b>II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 2013 ĐẾN NAY .....</b>	<b>5</b>
1. Những kết quả đạt được .....	5
2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân .....	10
<b>III. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT .....</b>	<b>.....</b>
<b>Phần thứ hai: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT.....</b>	<b>15</b>
<b>I. QUAN ĐIỂM .....</b>	<b>15</b>
<b>II. MỤC TIÊU .....</b>	<b>16</b>
1. Mục tiêu tổng quát.....	16
2. Mục tiêu cụ thể .....	17
2.1. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025 .....	17
2.2. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 .....	21
<b>Phần thứ ba: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT .....</b>	<b>25</b>
1. Về công tác đào tạo (đại học, sau đại học, bồi dưỡng ngắn hạn).....	25
2. Về công tác nghiên cứu khoa học.....	27
3. Về công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng .....	29
4. Về phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy .....	30
5. Về hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế .....	32
6. Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin .....	34
7. Về thư viện và tài liệu học tập .....	34

<b>Phần thứ tư: KINH PHÍ THỰC HIỆN, KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>40</b>
I. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	40
II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	42
III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN .....	43
<b>Phần thứ năm: CÁC PHỤ LỤC.....</b>	<b>44</b>
PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ TUYỂN SINH.....	45
PHỤ LỤC 2: QUY MÔ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, THẠC SĨ VÀ TIẾN SĨ ĐẾN NĂM 2030.....	46
PHỤ LỤC 3: SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP .....	47
PHỤ LỤC 4: QUY MÔ, KINH PHÍ ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN .....	48
PHỤ LỤC 5: QUY MÔ VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT ....	50
PHỤ LỤC 6: KINH PHÍ PHÁT TRIỂN NGUỒN HỌC LIỆU .....	54
PHỤ LỤC 7: KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....	55
PHỤ LỤC 8: KINH PHÍ ĐẦU TƯ TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN .....	57
PHỤ LỤC 9: KINH PHÍ ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN .....	63

## **Phần thứ nhất**

# **SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT**

## **I. BỐI CẢNH VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VỀ PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA**

### **1. Bối cảnh đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay**

Điều 2 Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền, cần phải có đội ngũ cán bộ công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ pháp luật, am hiểu pháp luật, tôn trọng pháp luật và tuyệt đối tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Hiện nay, tham gia vào hoạt động giảng dạy và cấp bằng cử nhân luật tại Việt Nam có khoảng hơn 90 cơ sở đào tạo công lập và tư thục. Các cơ sở đào tạo luật này có thể được phân thành các nhóm như sau.

*Nhóm các trường đào tạo luật truyền thống, mạnh về nghiên cứu, có uy tín, đào tạo đầy đủ các lĩnh vực luật học:* xếp vào nhóm này chỉ có thể kể đến Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là những trường được thành lập từ sau khi đất nước giành được độc lập, có kinh nghiệm giảng dạy luật học với các bậc đào tạo từ cử nhân đến thạc sỹ và tiến sỹ. Các Trường này mạnh về nghiên cứu khoa học, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực luật học, đóng góp đáng kể vào hoạt động lập pháp của đất nước. Các Trường này cũng là địa chỉ uy tín đào tạo cán bộ pháp luật giữ trọng trách trong nhiều hệ thống cơ quan của đất nước trong suốt các thập kỷ qua. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Luật Hà Nội cũng được biết đến với đội ngũ giảng viên là chuyên gia chuyên sâu tất cả các lĩnh vực luật học; có mối quan hệ giao lưu về học thuật và đào tạo với nhiều trường đại học có nền khoa học pháp lý tiên bộ trên thế giới.

*Nhóm các trường đào tạo luật phục vụ ngành:* trong nhóm này, có thể kể đến các Trường đã được thành lập khá truyền thống như: Học viện An ninh nhân dân, Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường Đại học An ninh nhân dân, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân, Học viện tư pháp và những trường được thành lập gần đây như: Học viện Tòa án; Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Các cơ sở đào tạo này có nhiệm vụ đào tạo trọng tâm là đào tạo nhân sự phục vụ cho ngành; nhiều môn học mang tính nghiệp vụ, trang bị kỹ năng trong giải quyết công việc cụ thể của ngành.

*Nhóm các trường đa ngành có đào tạo luật:* trong nhóm này có đa dạng các cơ sở đào tạo như: Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Khoa Luật thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường

Đại học Luật của Đại học Huế, Khoa Luật của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Khoa Luật của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành... Các cơ sở giáo dục này đào tạo cử nhân luật để tham gia làm việc trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đánh giá bối cảnh đào tạo luật ở Việt Nam cần nhấn mạnh rằng:

*Thứ nhất*, việc phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo Luật cần có sự đồng bộ, toàn diện tuy nhiên cũng cần ưu tiên tập trung vào đầu tư, phát triển một số cơ sở đào tạo có đủ quy mô, năng lực, uy tín để thực hiện nhiệm vụ chiến lược giáo dục của quốc gia. Trước yêu cầu về cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, việc đào tạo Luật cần không chỉ hướng tới người học có năng lực chuyên môn tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, bản lĩnh mà cần có tư duy pháp lý mang tính liên ngành, mở, có khả năng thích ứng nhanh với biến động xã hội, chính trị trong nước, quốc tế, có khả năng tự nghiên cứu, có năng lực ngoại ngữ và thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm... Vì vậy, cần tạo điều kiện cho những cơ sở đào tạo tiên phong, có quy mô đào tạo lớn, có mối quan hệ sâu rộng về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều cơ sở đào tạo danh tiếng trên thế giới để đào tạo những cán bộ tư pháp tương lai có đủ phẩm chất, năng lực, trí tuệ đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

*Thứ hai*, việc đào tạo luật không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội và các vấn đề dân sự trong đời sống xã hội; việc đào tạo luật còn phải hướng đến việc bảo đảm an ninh quốc gia; trật tự và an toàn xã hội; bảo đảm quyền con người; chủ quyền, độc lập của Nhà nước. Nghị quyết 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo đã khẳng định: “*Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”<sup>1</sup>. Điều này có nghĩa là việc đào tạo luật cũng cần phải phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước với đa dạng các cơ quan quản lý hành chính, cơ quan tư pháp và đội ngũ hỗ trợ tư pháp. Đối với vấn đề này cũng cần phải có những cơ sở đào tạo đảm nhận. Nếu không có sự đầu tư vào đào tạo luật ở các lĩnh vực này thì việc đào tạo luật chỉ phát triển mạnh ở những ngành luật tư phục vụ đời sống xã hội, kém phát triển ở những ngành luật phục vụ Nhà nước pháp quyền và bảo vệ Tổ quốc.

## **2. Nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, pháp luật**

Nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp, pháp luật là rất lớn. Tính đến cuối năm 2020, số lượng luật sư ở Việt Nam là 15.107. Cần đề cập rằng theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5/7/2011 (*phê duyệt Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020*) về chủ trương phát triển đội ngũ luật sư đến năm 2020, nhu cầu cần có từ 18.000 đến 20.000 luật sư, hành nghề chuyên sâu theo lĩnh vực pháp luật; tỷ lệ số luật sư trên số dân đạt khoảng 1/4.500 đáp ứng ngày càng cao nhu cầu về dịch vụ pháp lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; bảo đảm tham gia 100% số lượng các vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, so với Quyết định

<sup>1</sup> Xem Mục B(I)(4) của Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo ngày 04/11/2013.

1072/QĐ-TTg đã nêu, số lượng luật sư còn thiếu hụt trong năm 2020 là gần 5.000 người. Trong những năm tới, khi dân số càng tăng và các hoạt động của các doanh nghiệp, cá nhân càng nhiều thì tỷ lệ thiếu hụt càng cao.

Để cung cấp nguồn lực đầu vào cho việc đào tạo luật sư thì cần phải có đội ngũ cử nhân luật hùng hậu và có chất lượng cao. Nếu muốn tăng thêm 5.000 luật sư trong năm 2020 và nhiều hơn nữa trong thời gian tới đây thì nhu cầu đào tạo khoảng 100 ngàn cử nhân luật là tất yếu, bởi lẽ con số thống kê cho thấy cứ 10 người có bằng cử nhân luật thì chỉ có 01 người theo nghề luật sư. Để nâng cao chất lượng luật sư, không thể chỉ trông đợi vào việc đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề luật trong một thời gian ngắn mà người muốn theo học nghề luật sư cũng như các nghề bổ trợ tư pháp khác cần phải nắm chắc kiến thức pháp luật mang tính nền tảng từ khi học cử nhân luật ở bậc đại học.

Bên cạnh đó, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, cần tăng nhanh chóng số lượng thừa phát lại, công chứng viên và các nghề bổ trợ tư pháp khác nhằm thực hiện chủ trương xã hội hóa một số hoạt động mang tính bổ trợ tư pháp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế đang phát triển và giảm gánh nặng cho nhà nước. Do vậy, cần tăng cường đào tạo về số lượng và chất lượng cử nhân luật trong thời gian tới, đây thực sự là nhu cầu cấp bách.

### **3. Nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về pháp luật**

Đảng và Nhà nước đề cao vai trò của giáo dục, khoa học công nghệ, xem đó là quốc sách hàng đầu. Giáo dục đào tạo là nền tảng, động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Yêu cầu phát triển đất nước cùng áp lực hội nhập kinh tế đặt ra nhiệm vụ to lớn cho giáo dục đại học là phải tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện, chuyển giáo dục đại học từ sự nghiệp công ích sang cơ chế dịch vụ phù hợp với kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đại học tinh hoa sang đại học đại chúng; chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo. Quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo đã khẳng định: *“Chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả, đồng thời đáp ứng yêu cầu số lượng”*.

Hiện nay, chất lượng đào tạo đại học nói chung của Việt Nam còn chưa cao, chưa đồng đều; nhiều trường đại học còn nhiều yếu kém về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên còn thiếu và yếu; nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy còn lạc hậu... Việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng là nhu cầu thiết yếu hiện nay.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 – 2030: *“Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.”*

Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo đã khẳng định: *“Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”*.

Các mục tiêu, định hướng về chiến lược phát triển đất nước và giáo dục - đào tạo của Đảng và Nhà nước là căn cứ để Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh định hướng xây dựng trường đại học trọng điểm quốc gia, tiến tới đạt tiêu chuẩn quốc tế.

#### **4. Nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học pháp lý và truyền bá tư tưởng pháp lý**

Trong giai đoạn mới hiện nay, các cơ sở đào tạo luật cũng phải thay đổi và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy; phải tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học. Trong thời gian qua, Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh đã đóng góp thiết thực vào công tác xây dựng pháp luật, góp ý các dự án luật và có nhiều công trình nghiên cứu về đánh giá thực trạng và góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Nhu cầu đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác lập pháp, hành pháp và tư pháp là mang tính tất yếu trong một xã hội phát triển và xây dựng nhà nước pháp quyền, đóng vai trò rất quan trọng trong công tác xây dựng và phản biện các dự án, đề án pháp luật – đây cũng là sứ mệnh của Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh.

#### **5. Nhu cầu hội nhập quốc tế**

Một trong những Chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 – 2030 (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII) là: *“Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế”*. Ngày nay, hội nhập quốc tế là một xu thế tất yếu. Hội nhập giúp nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và nền khoa học công nghệ quốc gia, thúc đẩy hợp tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trong định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 29/TW khẳng định quan điểm chỉ đạo là *“Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước”*. Đồng thời, trong các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm thực hiện quan điểm chỉ đạo này, Văn kiện này cũng chỉ ra rằng cần phải chủ động hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo; mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học.

Việc hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo đòi hỏi cơ sở giáo dục phải có một lực lượng giảng viên giỏi ngoại ngữ và chuyên môn; có khả năng vượt qua các rào cản về ngôn ngữ và có trình độ pháp lý tiên tiến, cập nhật các chuẩn mực



pháp lý quốc tế và khu vực để có thể trao đổi học thuật với chuyên gia nước ngoài. Hiện nay, các cơ sở đào tạo luật có khả năng liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài, thực hiện hội nhập quốc tế để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước còn rất hạn chế. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh có ưu thế trong trao đổi, hợp tác về học thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo với nhiều trường đào tạo luật có danh tiếng trên thế giới, như: Đại học Arizona (Mỹ), Đại học Melbourne (Úc), Đại học Naoyga (Nhật bản), Đại học Lomonoxop (Nga), Đại học Kutafin (Nga), Université Toulouse 1 Capitole (Pháp), University de Lille 2 Droit et sante (Pháp), Đại học Chính Pháp Tây Nam Trung Quốc, Đại học Vasco da gama Institute (Bi)<sup>2</sup>...

## **II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH TỪ NĂM 2013 ĐẾN NAY**

### **1. Những kết quả đạt được**

#### ***a) Về quy mô đào tạo***

Trong 08 năm qua (từ năm học 2013 – 2014 đến năm học 2020 – 2021), Nhà trường đã tuyển sinh và đào tạo được 31.208 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh, trong đó trình độ đại học hệ chính quy có 17.139 sinh viên (gồm 14.432 văn bằng 1 và 2.707 văn bằng 2), trình độ đại học hệ vừa làm vừa học có 11.115 sinh viên, trình độ thạc sĩ có 2.848 học viên và trình độ tiến sĩ có 106 nghiên cứu sinh. Chỉ tiêu tuyển mới của Nhà trường đối với trình độ đại học hệ chính quy được giữ ổn định trong 04 năm (từ năm học 2013 – 2014 đến năm học 2016 – 2017) và 04 năm sau đó (từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021) có tăng từ 100 đến 300 sinh viên/năm; đối với trình độ thạc sĩ cũng được giữ ổn định trong 04 năm (từ năm học 2013 – 2014 đến năm học 2016 – 2017) và 04 năm sau đó (từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2020 – 2021) chỉ tiêu tuyển mới là 200 học viên/năm; đối với trình độ tiến sĩ được giữ ổn định trong 08 năm<sup>3</sup>.

Tính đến năm học 2020 – 2021, quy mô đào tạo của Nhà trường là 12.500 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh, trong đó trình độ đại học hệ chính quy có 8.413 sinh viên (gồm 7.557 văn bằng 1 và 856 văn bằng 2), trình độ đại học hệ vừa làm vừa học có 2.997 sinh viên, trình độ thạc sĩ có 1.041 học viên và trình độ tiến sĩ có 89 nghiên cứu sinh.

#### ***b) Về chất lượng đào tạo***

Nhà trường phát triển đa dạng chương trình đào tạo (03 định hướng về đào tạo cử nhân luật: Định hướng chung; Định hướng Luật Dân sự – Thương mại –

<sup>2</sup> Những trường đại học kể tên ở đây là những trường có ký MOU với Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>3</sup> Đối với trình độ đại học hệ chính quy: Từ năm học 2013 – 2014 đến năm học 2016 – 2017: chỉ tiêu tuyển mới mỗi năm của Nhà trường là 1.500 chỉ tiêu; năm học 2017 – 2018: chỉ tiêu tuyển mới của Nhà trường là 1.600 chỉ tiêu; năm học 2018 – 2019: chỉ tiêu tuyển mới của Nhà trường là 1.900 chỉ tiêu; năm học 2019 – 2020: chỉ tiêu tuyển mới của Nhà trường là 2.100 chỉ tiêu. Đối với trình độ thạc sĩ: Từ năm học 2013 – 2014 đến năm học 2016 – 2017: chỉ tiêu tuyển mới mỗi năm của Nhà trường là 350 chỉ tiêu; Từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2019 – 2020: chỉ tiêu tuyển mới mỗi năm của Nhà trường là 200 chỉ tiêu. Đối với trình độ tiến sĩ: Từ năm học 2013 – 2014 đến nay: chỉ tiêu tuyển mới của Nhà trường là 15 chỉ tiêu.

Quốc tế; và Định hướng Luật Dân sự – Hành chính – Hình sự) và mở rộng các hình thức đào tạo, kể cả đào tạo theo đơn đặt hàng phù hợp với đối tượng đào tạo là những người đang đi làm. Từ năm 2014 đến nay, Nhà trường đã tích cực xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng ở tất cả các ngành của lĩnh vực pháp luật, mở các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ cho các chức danh tư pháp (thẩm phán, kiểm sát viên...) theo yêu cầu của một số địa phương. Hiện nay, Nhà trường đang quyết liệt triển khai xây dựng đề án và chương trình đào tạo từ xa ngành Luật.

Nhà trường cũng chú trọng xây dựng các chương trình đào tạo gắn liền với nhu cầu người học: mở ngành đào tạo mới trong các lĩnh vực sở hữu trí tuệ, quan hệ quốc tế (ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý năm 2013 và ngành Luật Thương mại quốc tế năm 2017); xây dựng mới Chương trình đào tạo chất lượng cao (CLC) ngành Quản trị – Luật (năm 2014) và Chương trình đào tạo CLC ngành Quản trị kinh doanh (năm 2014). Hàng năm, Nhà trường đều có sửa đổi, bổ sung và nâng cấp các chương trình đào tạo: ngành Luật với 02 hình thức: Chính quy và vừa làm vừa học văn bằng 1 và văn bằng 2 (năm 2014, năm 2015, năm 2016, năm 2017, năm 2019); ngành Luật Thương mại quốc tế hình thức chính quy văn bằng 1 (năm 2019); ngành Quản trị – Luật hình thức chính quy văn bằng 1 (năm 2014, năm 2019); ngành Quản trị kinh doanh hình thức chính quy văn bằng 1 (năm 2014, năm 2019); ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý, hình thức chính quy văn bằng 1 (năm 2018, năm 2019). Đặc biệt, các chương trình đào tạo hệ chính quy CLC được quan tâm nghiên cứu, phát triển như: Chương trình đào tạo CLC ngành Luật nhóm chuyên ngành Luật Thương mại – Dân sự – Quốc tế (năm 2014, năm 2017, năm 2018); nhóm chuyên ngành Luật Hành chính – Tư pháp (năm 2018); Chương trình đào tạo CLC ngành Luật tăng cường tiếng Pháp (năm 2014, năm 2015, năm 2017, năm 2018, năm 2019); Chương trình đào tạo CLC ngành Luật tăng cường tiếng Nhật (năm 2014, năm 2015, năm 2017, năm 2018, năm 2019); Chương trình đào tạo CLC ngành Quản trị – Luật (năm 2017, năm 2018, năm 2019); Chương trình đào tạo CLC ngành Quản trị kinh doanh (năm 2017, năm 2018, năm 2019). Đặc biệt từ năm học 2021 -2022 Nhà trường đã bắt đầu đưa vào giảng dạy Chương trình Cử nhân Luật Chất lượng cao được giảng dạy bằng tiếng Anh, đây là một những bước đột phá của Nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Đối với một số môn học mang tính thực tiễn cao, Nhà trường mời các doanh nhân, luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên,... có uy tín tham gia giảng dạy nhằm tạo nên các chương trình đào tạo chuẩn, mềm dẻo và linh hoạt, tiếp cận những tiêu chuẩn CDIO<sup>4</sup>, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn chủ động đổi mới nội dung, chương trình

<sup>4</sup> CDIO là viết tắt của cụm từ tiếng Anh Conceive - Design - Implement - Operate, nghĩa là: hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành. CDIO là một đề xướng của các khối ngành kỹ thuật thuộc Đại học Kỹ thuật Massachusetts, Mỹ, phối hợp với các trường đại học Thụy Điển. Đây là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học. Giải pháp này cũng có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau ngoài ngành kỹ sư (với những sự điều chỉnh, bổ sung cần thiết), trong đó có khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh.

đào tạo, phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực, tăng cường kỹ năng ứng dụng và thực hành, chú trọng đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội; tăng cường gắn kết đơn vị tuyển dụng với Nhà trường cùng xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, thực tập và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Từ năm 2013 đến năm 2021, định kỳ hàng năm Nhà trường đều tổ chức rà soát các chương trình đào tạo, bổ sung các học phần kỹ năng, hướng đến việc gắn liền chuẩn đầu ra và kết nối với thị trường lao động, góp phần đáp ứng nhu cầu của người học, của xã hội và của đơn vị sử dụng lao động. Từ năm 2009, Nhà trường đã triển khai áp dụng chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ theo chương trình TOEIC quốc tế (hoặc TOEFL, IELTS tương đương). Từ năm 2020, chuẩn đầu ra này đã được Nhà trường nâng lên 50 điểm cho mỗi ngành/khoa/ lớp đào tạo. Theo đó, chuẩn đầu ra của khoa có điểm thấp nhất là 500 điểm TOEIC quốc tế và của khoa có điểm cao nhất là 650 điểm TOEIC quốc tế.

Ngoài ra, bộ giáo trình và tài liệu học tập của Nhà trường liên tục được đầu tư, cập nhật và hoàn chỉnh, là cơ sở đào tạo duy nhất ở phía Nam có bộ giáo trình hoàn chỉnh, được nhiều cơ sở đào tạo luật ở phía Nam sử dụng thể hiện vai trò đầu tàu, dẫn dắt về học thuật, đào tạo của Nhà trường.

### ***c) Về nghiên cứu khoa học***

Trong giai đoạn từ năm 2013 – 2021, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của trường và của các giảng viên luôn nhận được sự định hướng và đầu tư kịp thời để hoạt động ngày càng hiệu quả, các khó khăn gặp phải khi phối hợp với các đơn vị ngoài trường được giải quyết triệt để. Trường cũng đã đưa vào áp dụng các chế độ ưu tiên, khuyến khích để giảng viên và sinh viên của trường quan tâm đúng mức đến công tác nghiên cứu, yêu thích nghiên cứu và xem việc nghiên cứu là một hoạt động quan trọng không kém gì công tác giảng dạy, học tập của mình. Từ những sự khuyến khích kịp thời đó dành cho giảng viên và sinh viên, lĩnh vực NCKH pháp lý – vốn nặng tính hàn lâm và chuyên sâu – trở nên ngày càng gần gũi với đời sống thực tế và đem đến nhiều nghiên cứu thiết thực, ứng dụng vào công tác xây dựng hoặc chỉnh sửa các dự án luật, vào công tác đào tạo và quản lý của Trường.

Tổng số đề tài mà Nhà trường giao và được giao từ năm 2013 – 2021 là 01 đề án NCKH cấp nhà nước, 12 đề tài NCKH cấp Bộ và 90 đề tài NCKH cấp cơ sở. Bên cạnh đó, nhờ sự quản lý sâu sát, Nhà trường cũng ít có lượng đề tài tồn đọng và trễ hạn. Trong giai đoạn này, nhà trường đã tiến hành nghiệm thu 69 đề tài các cấp. Nhà trường đã tổ chức 57 hội thảo và tọa đàm cấp trường, trong đó có hơn 20 hội thảo quốc tế, chưa tính đến các hội thảo và tọa đàm cấp khoa được tổ chức thường xuyên. Tính đến nay, nhà trường có hơn 31 bài báo đăng trên các chuyên san về pháp luật của nước ngoài, trong đó có 01 bài thuộc danh mục ISI và 07 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus.

Trường cũng có sự kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học. Đối tượng tham gia các hội thảo có rất đông học viên và sinh viên của trường, chủ đề hội thảo chủ yếu về những vấn đề pháp lý thời sự còn nhiều vướng mắc trong thực thi. Với uy tín trong giới khoa học, Nhà trường đã tập hợp được một

lượng lớn các chuyên gia, nhà nghiên cứu nổi tiếng trong và ngoài nước đóng góp ý kiến cho các vấn đề thời sự hoặc các dự án luật quan trọng của đất nước.

Nhà trường đã thành lập Trung tâm Tư vấn pháp luật, Trung tâm Sở hữu trí tuệ và giao nhiệm vụ cho các trung tâm thực hiện công việc nghiên cứu về pháp luật hoặc thực thi những đề án liên quan đến Chiến lược cải cách tư pháp và các hoạt động tư pháp. Trong đó, Trung tâm Tư vấn pháp luật của trường hoạt động khá hiệu quả từ năm 2013 đến nay, với sự khuyến khích của nhà trường và sự đầu tư tài chính từ UNDP, Trung tâm đã tham gia hỗ trợ tư vấn pháp luật và các vấn đề pháp lý cho rất nhiều đơn vị trong và ngoài TP. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Trung tâm Sở hữu trí tuệ của Trường cũng đã thực hiện rất tốt vai trò là đơn vị phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ triển khai Đề án “Đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ” của Bộ Khoa học và Công nghệ cho nhiều tỉnh, thành phố, phục vụ công tác đào tạo cán bộ pháp luật và cải cách tư pháp.

Nhiều quy định được ban hành nhằm hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu trong giảng viên và sinh viên, tạo các điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần cho những cá nhân, nhóm nghiên cứu thường xuyên tham gia thực hiện đề tài hoặc viết bài đăng tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

#### ***d) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng***

Hoạt động giáo dục, tuyên truyền và phổ biến pháp luật là mũi hoạt động đặc thù và mang tính chuyên môn cao của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, được triển khai phần lớn thông qua Trung tâm Tư vấn pháp luật, các chiến dịch tình nguyện, các đội hình tuyên truyền pháp luật lưu động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh – Hội Sinh viên Việt Nam Trường. Với mục đích đem lại cho người dân một cái nhìn thực tế, khách quan, nâng cao hiểu biết, ý thức của người dân về pháp luật, nhiều chương trình được tổ chức dưới hình thức các phiên tòa giả định, câu chuyện pháp đình, kịch tuyên truyền, kịch diễn đàn, sơn vẽ tường và các buổi phát thanh kết hợp truyền tải các nội dung tuyên truyền pháp luật được đầu tư thực hiện tại nhiều địa phương: TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Đắk Nông, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau... Đồng thời, tại các địa phương đóng quân, các chiến dịch tình nguyện cũng tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật về chủ quyền biển đảo, pháp luật về an toàn giao thông, lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, phòng chống xâm hại trẻ em... do chính giảng viên Nhà trường phụ trách, thành công lan tỏa tinh thần “thượng tôn pháp luật” đến cộng đồng, xã hội.

Bên cạnh đó, Đội hình cán bộ Đoàn – Hội và sinh viên tiêu biểu tuyên truyền pháp luật được thành lập vào tháng 3/2015 với nhân sự là những sinh viên có khả năng học tập, áp dụng và tuyên truyền pháp luật đến với nhiều đối tượng cùng với sự hỗ trợ từ các giảng viên trẻ cố vấn về nội dung đã tiến hành tuyên truyền bằng nhiều hình thức trực quan, sinh động cho đối tượng chính là các học sinh THPT trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh xoay quanh các lĩnh vực như phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tội phạm tuổi vị thành niên, pháp luật về thanh niên, an toàn giao thông, chủ quyền biển đảo Việt Nam theo pháp luật quốc tế, quyền trẻ em...

### ***e) Về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân lực***

Về cơ cấu tổ chức, Nhà trường hiện nay được cấu thành bởi Hội đồng trường (19 thành viên); Ban Giám hiệu; 08 Khoa chuyên ngành; 12 trung tâm; 11 phòng chức năng và các tổ chức đoàn thể.

Tổng số giảng viên tính đến năm 2020 là 275 giảng viên cơ hữu (gồm 17 phó giáo sư, 55 tiến sĩ, 190 thạc sĩ và 13 cử nhân) và có 15 giảng viên thỉnh giảng (gồm có 03 Phó giáo sư, 04 tiến sĩ, 08 thạc sĩ), tuy đã vượt chỉ tiêu đề ra có 95,6% giảng viên có trình độ sau đại học<sup>5</sup> và 30 giảng viên có thể giảng dạy ở nước ngoài<sup>6</sup> nhưng tỷ lệ giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên chính chỉ đạt 30,94%<sup>7</sup>.

Trên cơ sở nguồn nhân lực sẵn có, cộng với sự hỗ trợ của các đơn vị trong và ngoài nước, Nhà trường đã có quy hoạch và lập kế hoạch, chính sách đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động; tổ chức cho viên chức, người lao động tham gia nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện tối đa để giảng viên trẻ được học tập, nghiên cứu để nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng cần thiết cho công việc giảng dạy thông qua việc cử đi học các khóa đào tạo, tham gia hội thảo khoa học, tập huấn chuyên ngành trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng thực hiện đa dạng các nguồn tuyển dụng, trong đó ưu tiên tuyển sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, những người có trình độ thạc sĩ trở lên, tuy chưa đạt tỷ lệ tối thiểu 10% giảng viên trình độ tiến sĩ trong tổng số nguồn tuyển dụng theo Đề án 549 nhưng hầu hết giảng viên được tuyển dụng có trình độ thạc sĩ, vượt chỉ tiêu đề ra. Ngoài ra, Nhà trường còn quan tâm việc thu hút những người có trình độ lý luận và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo khác, từ các Viện Nghiên cứu và những người đang làm công tác thực tiễn làm giảng viên.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Nhà trường còn sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng cho đối tượng sinh viên năm thứ ba, năm thứ tư, năm thứ năm (ngành Quản trị – Luật) nhằm trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các vấn đề pháp lý thực tế phát sinh trong quá trình hành nghề luật. Những giảng viên, chuyên gia, cán bộ pháp luật này sẽ góp phần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng để đảm bảo chuẩn đầu ra của Trường đáp ứng yêu cầu của Đề án 549. Từ năm 2014 đến nay, có gần 30 giảng viên thỉnh giảng là các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các tòa án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính – sự nghiệp và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên. Mặc dù vẫn chưa đạt được mong muốn của Đề án 549 (đảm nhiệm 20% khối lượng kiến thức giảng dạy) nhưng những cố gắng này đã góp phần tạo nên cái nhìn thực tế cho nhiều sinh viên trước khi bước vào con đường hành nghề luật.

<sup>5</sup> Theo mục tiêu của Đề án 549, đến năm 2020 có 90% giảng viên có trình độ sau đại học.

<sup>6</sup> Theo mục tiêu của Đề án 549, đến năm 2020 có từ 25 đến 30 giảng viên có thể giảng dạy ở nước ngoài.

<sup>7</sup> Theo mục tiêu của Đề án 549, đến năm 2020 khoảng 40% giảng viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và giảng viên chính.

### ***f) Về hợp tác trong và ngoài nước***

Nhà trường đã đặt quan hệ hợp tác và chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ, hợp tác với 34 cơ sở đào tạo và hành nghề luật của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Lào, Hà Lan, Estonia, Pháp, Bỉ, Thụy Điển, Singapore, Australia, New Zealand, Thái Lan... cùng những đơn vị hành nghề luật nước ngoài uy tín khác tại Việt Nam mà nhà trường đánh giá cao, tin tưởng để hỗ trợ tăng cường phát triển nguồn lực của trường. Thời gian gần đây, việc tổ chức thành công nhiều hội thảo quốc tế là cơ hội để tăng cường sự trao đổi học thuật chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn cho các giảng viên, học viên, sinh viên của trường, đồng thời tạo cơ hội cho giảng viên của trường tiếp cận với các học giả uy tín trong và ngoài nước, thiết lập nên những mối quan hệ bền vững với đối tác giúp Nhà trường phát triển nguồn nhân lực hiện có.

Hoạt động trao đổi sinh viên và trao đổi giảng viên được đẩy mạnh, số lượng sinh viên nước ngoài đến Việt Nam tăng cao hơn so với giai đoạn trước do số lượng môn học giảng dạy bằng tiếng nước ngoài gia tăng. Nhà trường đã mời được nhiều giáo sư từ các trường đại học trong hệ thống AUF (Pháp) đến trao đổi học thuật, học hỏi kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn nghề luật, cử nhiều đoàn giảng viên, sinh viên đi thỉnh giảng, tham gia hội thảo, nghiên cứu, thu thập tài liệu, thực tập, tham gia các cuộc thi phiên tòa giả định quốc tế tại Hoa Kỳ, Pháp, Nga, Nhật Bản, Estonia, Thái Lan, Singapore, Indonesia... Từ năm 2013 đến nay, mỗi năm Nhà trường đều tiếp nhận từ 03 đến 10 sinh viên nước ngoài đến học trong thời gian một học kỳ hoặc cả năm học.

### ***g) Về cơ sở vật chất***

Trang thiết bị cho hệ thống giảng đường hỗ trợ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và quản lý được quan tâm đầu tư, bảo trì, nâng cấp, cải thiện, đặc biệt là đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho công tác tổ chức hội họp, hội thảo và giảng bài trực tuyến như: trang bị hệ thống Video Conference cho các phòng họp, xây dựng hệ thống các lớp học trực tuyến trên nền tảng Zoom...; thư viện của Nhà trường được tiếp tục đầu tư với nhiều đầu sách và số lượng khá lớn; hoạt động quản lý tin học hóa được tăng cường thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học (các tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc trong trường đều được mã hóa và được dán barcode, các thông tin của tài sản đều được thể hiện đầy đủ trên hệ thống giúp công tác quản lý được thuận tiện và chính xác)...

Đặc biệt, từ năm 2015, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đã triển khai Dự án xây dựng cơ sở mới tại phường Long Phước, Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh nhưng đang gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu đến từ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và quy hoạch ký túc xá, kết nối giao thông.

## **2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Việc không thể triển khai xây dựng 02 block còn lại thuộc Giai đoạn 1 Dự án xây dựng cơ sở mới của Trường tại phường Long Phước, Quận 9 (nay là TP. Thủ Đức), TP. Hồ Chí Minh cùng rất nhiều những khó khăn về việc quy hoạch

ký túc xá, kết nối giao thông từ Dự án đến các khu vực khác đã gây nên nhiều hậu quả tiêu cực xét về nhiều góc độ cho Nhà nước, Thành phố Hồ Chí Minh và cho Nhà trường. Việc chậm trễ đền bù, vướng mắc về quy hoạch ký túc xá, kết nối giao thông từ Dự án đến khu vực khác trong bối cảnh giá đất tại khu vực tăng rất nhanh là một trong những nguyên nhân chính trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dẫn đến không thể hoàn thành giai đoạn 1 của Dự án. Từ việc không thể hoàn thành Dự án xây dựng Trường theo đúng tiến độ dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp đến việc không hoàn thành các chỉ tiêu thuộc các mảng cụ thể của Đề án 549 (quy mô đào tạo, số lượng giảng viên, tỷ lệ sinh viên/giảng viên...).

- Việc Nhà trường không thể hoàn thành các hạng mục tại Dự án xây dựng cơ sở Long Phước, TP Thủ Đức đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu tuyển sinh các trình độ đào tạo của nhà trường; từ đó làm ảnh hưởng đến công tác tuyển dụng và bồi dưỡng giảng viên. Việc Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh (một trong hai trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, có đội ngũ giảng viên hùng hậu và chất lượng cao), không thể tăng chỉ tiêu tuyển sinh trong khi nhu cầu xã hội còn rất lớn đã làm cho nhiều sinh viên muốn học các ngành luật phải vào học tại các cơ sở đào tạo luật nhỏ, yếu kém khác; từ đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nguồn nhân lực cán bộ pháp luật. Làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp, cải cách hành chính và xây dựng nhà nước pháp quyền.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên còn thiếu so với yêu cầu của Đề án 549 và so với nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo hiện tại. Mặc dù nhu cầu của xã hội rất cao nhưng quy mô đào tạo của Trường không tăng do chỉ tiêu tuyển sinh phụ thuộc chính vào điều kiện cơ sở vật chất, đặc biệt là diện tích mặt bằng của cơ sở đào tạo. Hàng năm, số lượng thí sinh có nguyện vọng vào Trường là rất đông (trung bình mỗi năm rơi vào khoảng hơn 15.000 thí sinh) nhưng chỉ tiêu tuyển sinh chỉ dao động quanh mức gần 2.000 cho thấy sự chênh lệch rất lớn giữa nhu cầu xã hội và khả năng tiếp nhận đào tạo của Trường.

- Công tác chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn do hành lang pháp lý trong lĩnh vực số vẫn chưa đồng bộ, công tác an ninh mạng cũng còn bất cập do vậy vẫn còn những rủi ro trong việc bảo mật dữ liệu việc ứng dụng đồng bộ công nghệ số đòi hỏi nguồn kinh phí lớn trong khi năng lực tài chính của Trường còn khiêm tốn cùng sự ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh COVID-19 gây khó khăn lớn cho công tác chuyển đổi số.

- Công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế còn hạn chế do thủ tục xây dựng chương trình liên kết đào tạo đòi hỏi nhiều hồ sơ đến từ phía đối tác nước ngoài nên mất nhiều thời gian để trao đổi, hoàn thiện chương trình; yêu cầu về giấy phép lao động còn nhiều phức tạp đối với người nước ngoài có nguyện vọng đến làm việc tại Nhà trường gây khó khăn đến công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; kinh phí đầu tư cho hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế, phần lớn ưu tiên cho các hoạt động hội thảo, hội nghị, nghiên cứu ở nước ngoài, chưa đầu tư xứng đáng vào viện tìm kiếm dự án hợp tác.

### III. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA VIỆC TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRONG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT

Quan điểm, đường lối về xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cán bộ pháp luật và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ pháp luật phục vụ cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới thể hiện trong các văn kiện như: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 84-KL/TW của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; Kết luận số 22 của Trường Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương; Công văn số 7427/VPCP-PL của Văn phòng Chính phủ.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021 – 2030: *“Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”*.

Một trong các Chiến lược phát triển đất nước trong 10 năm từ 2021 đến 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là: *“Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính”*.

Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng xác định: *“Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”*. Đối với định hướng phát triển đất nước từ 2021 đến 2030 đối với vấn đề giáo dục, Nghị quyết Đại hội Đảng XIII nhấn mạnh về việc tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.

Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo đã khẳng định: *“Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục và đào tạo; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”*.

Văn kiện Đại hội XIII đánh giá: *“Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu”*. Văn kiện Đại hội XI của Đảng chỉ



rõ: Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới của đất nước. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu đề ra; thủ tục hành chính còn gây phiền hà cho tổ chức và công dân... Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đồng bộ. Công tác điều tra, giam giữ, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị huỷ, bị cải sửa còn nhiều. Nghị quyết số 29/TW về đổi mới căn bản và toàn diện về giáo dục và đào tạo cũng đánh giá việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu" còn chậm và lúng túng. Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình phát triển giáo dục-đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Về đào tạo đội ngũ cán bộ tư pháp, Nghị quyết số 08-NQ/TW chỉ rõ: phải *"xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh. Nâng cao tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức và nghề nghiệp chuyên môn của cán bộ tư pháp"*. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 khẳng định chủ trương *"xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao"*. Nghị quyết số 49-NQ/TW cũng nhấn mạnh: *"Đào tạo đủ số lượng cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực"*. Để nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ pháp luật, Nghị quyết 49-NQ/TW chỉ đạo: *"Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch, vững mạnh, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa"*.

Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra nhiệm vụ *"Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật"*.

Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đặt ra yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo triển khai *"Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp [...] phải thực sự liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Quan tâm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về tư pháp, bổ trợ tư pháp."*

*Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ tư pháp, luật sư đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật quốc tế để tham gia giải quyết các vụ việc tranh chấp có yếu tố nước ngoài, bảo vệ hiệu quả quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.”*

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.1 khoản 2 mục III) về sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp đối với giáo dục đại học: *“Nhà nước tập trung đầu tư chiều sâu, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các trường đại học công lập ở một số lĩnh vực mang tầm cỡ khu vực và quốc tế”*.

Những quan điểm, đường lối của Đảng thể hiện qua các văn kiện nói trên cần được nhanh chóng triển khai để đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế và đổi mới giáo dục đại học Việt Nam. Đây là những cơ sở nền tảng quan trọng cho việc xây dựng Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật.

## **Phần thứ hai**

# **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU TIẾP TỤC XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT**

### **I. QUAN ĐIỂM**

Việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo về pháp luật trong giai đoạn mới (2022 – 2030) phải quán triệt các tư tưởng, quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Thứ nhất, phải căn cứ và bám sát các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về đổi mới giáo dục đại học, đào tạo nguồn nhân lực về pháp luật phục vụ công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền, chiến lược cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập kinh tế quốc tế; đặc biệt, phải quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thứ hai, phải căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về giáo dục đại học, đặc biệt là Luật Giáo dục đại học (sửa đổi năm 2018) và các văn bản hướng dẫn thi hành; phải trên tinh thần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học.

- Thứ ba, phải tích cực triển khai mạnh mẽ tinh thần và cơ chế tự chủ đại học; phải đảm bảo đầy đủ các tiền đề và điều kiện để Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được thực hiện đầy đủ các quyền tự chủ trong các lĩnh vực hoạt động mà pháp luật quy định; phát huy mạnh mẽ các quyền tự chủ và gắn với trách nhiệm giải trình; tăng cường phân cấp, phân quyền cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Các nhiệm vụ, giải pháp trong 09 năm tới đây phải bao quát các mặt tổ chức và hoạt động của Trường theo định hướng phát triển của Trường trong 02 giai đoạn (2022 – 2025 và 2026 – 2030) trên tinh thần tự chủ đại học.

- Thứ tư, việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật phải trên cơ sở tổng kết, kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong 9 năm thực hiện Đề án 549 theo Quyết định số 549/QĐ-TTg về Phê duyệt Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật”; tiếp tục thực hiện hoặc điều chỉnh những mục tiêu của Đề án 549 cho phù hợp với giai đoạn mới, cần đặt ra những mục tiêu mới cũng như những nhiệm vụ, giải pháp phải thực hiện trong giai đoạn mới.

- Thứ năm, việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật phải theo lộ trình cụ thể, đúng trọng tâm theo từng giai đoạn với sự đầu tư chủ yếu của Nhà nước bên cạnh nguồn lực tự có của Trường và nguồn lực khác trên tinh thần tự chủ đại

học. Khi đề án được phê duyệt, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh phải xây dựng các kế hoạch chi tiết theo từng năm.

- Thứ sáu, việc tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật phải trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm nước ngoài và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay; nâng cao chất lượng công tác đào tạo luật của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh để đạt được trình độ trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Á và trên thế giới.

- Thứ bảy, việc xây dựng và thực hiện Đề án phải luôn bám sát mục tiêu tổng quát của cả giai đoạn 2022 – 2030, thực hiện được sứ mệnh và tầm nhìn phát triển của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trong bối cảnh tự chủ đại học và cạnh tranh gay gắt trong việc đào tạo nguồn nhân lực về pháp luật, hội nhập quốc tế hiện nay và trong tương lai; bám sát định hướng, chiến lược phát triển của Trường trong giai đoạn 2020 – 2025, giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn những năm tiếp theo.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Mục tiêu tổng quát là xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành trường đại học trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, theo định hướng nghiên cứu; là trung tâm nghiên cứu và truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của cả nước; giữ vai trò nòng cốt, đầu tàu, có vai trò dẫn dắt tất cả các cơ sở đào tạo luật của các tỉnh phía Nam trong công tác đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực pháp luật.

- Thứ nhất, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển theo hướng là trường đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu, lấy đào tạo về lĩnh vực pháp luật làm trọng tâm và thế mạnh. Nhà trường đào tạo tất cả các ngành học thuộc lĩnh vực pháp luật ở cả trình độ đại học và trình độ sau đại học; tất cả các ngành đào tạo đều phải thuộc nhóm dẫn đầu trong cả nước. Những ngành đào tạo về lĩnh vực hành chính – tư pháp, thương mại quốc tế của Trường phải giữ vai trò dẫn đầu, mạnh nhất các tỉnh phía Nam.

- Thứ hai, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy theo hướng cập nhật các kiến thức mới, tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài, tăng cường giảng dạy kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn cũng như tăng cường nâng chuẩn trình độ ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên.

- Thứ ba, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh phải là cơ sở đào tạo dẫn đầu cả nước về các chương trình đào tạo chất lượng cao; đặc biệt là các chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm góp phần tích cực thực hiện chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế; phát triển các chương trình đại học và sau đại học liên kết với nước ngoài và chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh để thu hút sinh viên quốc tế và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thứ tư, quy mô đào tạo về các ngành học thuộc lĩnh vực pháp luật của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh phải là một trong hai trường lớn nhất cả nước; quy mô tuyển sinh các bậc đào tạo, các hệ đào tạo phải tăng đều hàng năm. Nhà trường đẩy mạnh công tác đào tạo văn bằng 2, đào tạo từ xa và đào tạo sau đại học, cùng các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn về lĩnh vực pháp luật. Đảm bảo phát triển quy mô đào tạo gắn liền với nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thứ năm, trong công tác nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh phải theo định hướng nghiên cứu; giữ vai trò là trung tâm nghiên cứu về khoa học pháp lý lớn nhất các tỉnh phía Nam, có bản sắc riêng năng động và hiện đại. Tăng nhanh số lượng các hội thảo khoa học cấp trường, cấp quốc gia và quốc tế cũng như các nghiên cứu phục vụ chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế. Tăng nhanh số lượng các đề tài NCKH cấp Bộ và cấp nhà nước, các bài báo quốc tế ISI, Scopus nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và củng cố uy tín, thương hiệu của Trường. Phải xây dựng và không ngừng đổi mới, hoàn thiện bộ giáo trình các môn học của trình độ đại học và thạc sĩ, tích cực xuất bản các sách chuyên khảo để giữ vai trò định hướng, hỗ trợ công tác đào tạo của các cơ sở đào tạo luật khác trong cả nước.

- Thứ sáu, tiếp tục tuyển dụng mới, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cả về chuyên môn, ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy; tăng nhanh số lượng và tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư và giảng viên có thể giảng dạy bằng tiếng nước ngoài.

- Thứ bảy, tiếp tục xây dựng cơ sở 3 của Trường tại TP. Thủ Đức, tiến hành lập dự án xây dựng thêm các cơ sở mới của Trường tại TP. Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng) và TP. Cam Ranh (tỉnh Khánh Hòa). Nhà trường phải tạo lập cơ sở vật chất hiện đại (bao gồm hệ thống giảng đường, phòng thực hành, phòng làm việc và khu thể thao phù hợp cho cán bộ giảng viên và sinh viên...) nhằm phục vụ có hiệu quả công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học; liên tục hiện đại hóa và củng cố cơ sở vật chất của Thư viện của trường tại các cơ sở.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025**

#### **a) Về đào tạo**

- Chỉ tiêu tuyển sinh các trình độ và hình thức đào tạo mỗi năm tăng 10% so với năm trước liền kề; quy mô đào tạo đại học hình thức chính quy, thạc sĩ và tiến sĩ ngày càng được mở rộng, kết hợp nâng cao chất lượng đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học, hình thức đào tạo từ xa. Đến năm 2025, quy mô đào tạo của Trường là 17.366 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh. Trong đó, có khoảng 16.635 sinh viên trình độ đại học (gồm 11.560 sinh viên theo học hình thức chính quy, 3.685 sinh viên theo học hình thức vừa làm vừa học và 1.390 sinh viên theo học hình thức từ xa), 636 học viên cao học và 95 học viên nghiên cứu sinh;

- Xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đối với những ngành đào

tạo đã có 02 khóa sinh viên tốt nghiệp ở trình độ đại học. Đến năm 2025, Trường sẽ tuyển sinh và đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và ngành Luật Thương mại quốc tế ở trình độ thạc sỹ;

- Phát triển các chương trình đào tạo đại trà đã được tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học thành các chương trình chất lượng cao. Đến năm 2025, Trường sẽ mở lớp đào tạo chất lượng cao ngành Luật Thương mại quốc tế;

- Tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn về bồi dưỡng kiến thức pháp luật và đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội. Đến năm 2025, mỗi tháng Trường mở một khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo chuyên đề với số lượng học viên theo học khoảng từ 40 đến 50 học viên; đối với khóa đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ mỗi năm sẽ mở 02 khóa học, một khóa học đặt tại TP. Hà Nội và một khóa học đặt tại TP. Hồ Chí Minh.

#### *b) Về nghiên cứu khoa học*

- Thứ nhất, gia tăng số lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học như gia tăng bài báo đăng trên tạp chí đạt 300 bài báo trong nước/năm vào năm 2022 và đạt tổng số 1.500 bài báo trong nước từ 2022 đến năm 2025; số bài báo quốc tế tăng dần và đến năm 2025 có khoảng 50 bài thuộc danh mục ISI, SCOPUS được công bố trong năm; gia tăng đề tài các cấp trong đó đặc biệt lưu ý tới đề tài cấp bộ (có khoảng 15 đề tài trong toàn bộ giai đoạn) và cấp quốc gia (có 4 đề tài trong toàn bộ giai đoạn); hoàn thiện giáo trình và bổ sung sách tình huống; tổ chức các hội thảo quốc gia và quốc tế bình quân 06 hội thảo/năm; đồng thời đa dạng hóa các dạng sản phẩm nghiên cứu khoa học trong đó gia tăng sách chuyên khảo (khoảng 10 sách mới/năm).

- Thứ hai, nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học. Chất lượng sản phẩm phản ảnh qua nhu cầu sử dụng nên, Trường hướng tới sản phẩm nghiên cứu khoa học không chỉ đáp ứng nhu cầu đào tạo mà còn đáp ứng nhu cầu của thực tiễn như hướng tới sản phẩm nghiên cứu khoa học ngày càng được người làm ở Tòa án, Viện kiểm sát, Luật sư, cơ quan lập pháp sử dụng để phục vụ cho công việc thực tiễn.

- Thứ ba, đa dạng hóa cách tiếp cận sản phẩm nghiên cứu khoa học để sản phẩm nghiên cứu khoa học ngày càng được phổ biến. Cụ thể, bên cạnh phương thức truyền thống như bán sách/tạp chí hay mở cửa thư viện tiếp đón, Trường hướng tới cho khai thác các sản phẩm dưới dạng thư viện điện tử để người quan tâm ở bất kỳ đâu trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới đều có thể tiếp cận mà không cần phải di chuyển hay đặt hàng theo phương thức truyền thống.

#### *c) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng*

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế đánh giá và ghi nhận kết quả tham gia phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng của giảng viên, chuyên viên và sinh viên trong công tác đánh giá xếp loại viên chức hàng năm và điểm rèn luyện sinh viên để khuyến khích đội ngũ giảng viên, chuyên viên và sinh viên tham gia vào các hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật nhằm phát huy sức

manh trí tuệ trong Nhà trường, qua đó đa dạng hóa hình thức, tăng cả số lượng và chất lượng các chương trình được thực hiện, đồng thời tạo cơ hội để giảng viên và sinh viên có cơ hội tích lũy kinh nghiệm thực tiễn.

- Tăng cường giáo dục, phổ biến pháp luật và phục vụ cộng đồng thông qua hoạt động của các chương trình phối hợp với các đơn vị, cơ quan hữu quan; triển khai các dự án về pháp luật dựa trên ngân sách từ các đơn vị tài trợ trong và ngoài nước. Phân đầu đến năm 2025 có ít nhất 01 dự án về pháp luật được triển khai và từ 05 – 10 chương trình phối hợp với các đơn vị, cơ quan hữu quan.

- Xây dựng đội ngũ luật sư cộng tác kinh nghiệm và có tinh thần hỗ trợ cộng đồng nhằm đảm bảo các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và tư vấn pháp lý được thực hiện hiệu quả và chuyên nghiệp. Phân đầu đến năm 2025, Trung tâm Tư vấn pháp luật có ít nhất 05 luật sư tham gia cộng tác.

- Số lượng vụ việc tư vấn: tăng trung bình 10-15%/năm, trong đó 20 – 30% là các vụ việc tư vấn miễn phí cho các đối tượng chính sách theo quy định pháp luật. Đến năm 2025, số vụ, việc tối thiểu bình quân là từ 200 đến 300 vụ, việc/năm; số lượt giảng viên, chuyên viên và tương đương, sinh viên tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý từ 250 đến 300 lượt/năm. Từ sau năm 2025, hằng năm tăng ít nhất 10%.

#### *d) Về nhân lực và tổ chức bộ máy*

- Tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị đại học hiện đại: Áp dụng mô hình, tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị đại học hiện đại, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế: Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh có khoảng 350 người, trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 40%, trong đó tối thiểu 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 30% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài.

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2025, ít nhất 70% lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài;

- Đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có tác phong công sở hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp. Đến năm 2025, 100% viên chức hành chính đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn tại Khung năng lực vị trí việc làm của Trường; có khả năng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; ít nhất 50% có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc.

#### *e) Về hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế*

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh đề ra các mục tiêu cụ thể đối với hoạt động hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế như sau:

- Thứ nhất, ký kết được ít nhất 30 thỏa thuận về hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín. Ngoài các cơ sở đào tạo là các đối tác chiến lược và truyền thống của trường ở các nước như Úc, Anh, Estonia, Nhật bản, mở rộng thêm các đối tác ở các quốc gia khác như Hoa kỳ, Canada, Na Uy, Đức, Singapore, v.v...

- Thứ hai, đẩy mạnh việc triển khai các hoạt động hợp tác trong nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Ký kết được ít nhất 10 thỏa thuận nghiên cứu hoặc hợp tác chuyên gia với các cơ sở đào tạo, Viện nghiên cứu, Bộ ngành, địa phương hoặc các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước.

- Thứ ba, gia tăng hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các cơ sở đào tạo luật, nhất là các cơ sở đào tạo nước ngoài. Đến năm 2025, ký được hợp đồng thỉnh giảng với ít nhất 10 giáo sư nước ngoài để tham gia giảng dạy cho chương trình đào tạo cử nhân Luật 100% bằng tiếng Anh của nhà trường; tổ chức được ít nhất 20 chương trình trao đổi ngắn hạn hoặc giao lưu học tập ở nước ngoài dành cho giảng viên và sinh viên chương trình chất lượng cao của Trường; tiếp nhận ít nhất 10 đoàn sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường.

*f) Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin*

- Từng bước hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể về cơ sở vật chất, hướng tới xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thành một trung tâm đào tạo pháp luật và nghiên cứu khoa học lớn nhất và hiện đại nhất ở phía Nam, với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị tiên tiến, xứng tầm với vị thế và quy mô của trường trọng điểm.

- Xác định lại quy mô của Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức cho phù hợp với tình hình thực tế và năng lực tài chính của Trường. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoàn thành và đưa vào sử dụng các hạng mục của Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức giai đoạn 1 và giai đoạn 2 nhằm khai thác đồng bộ, hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ kịp thời nhu cầu đào tạo của Trường.

- Triển khai một số hạng mục cơ sở hạ tầng của Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 5,6ha tại đường Nguyễn Hoàng, Phường 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 4,048ha tại phường Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Với việc triển khai đầu tư xây dựng 02 cơ sở đào tạo này nhằm đảm bảo tiêu chuẩn về cơ sở vật chất đáp ứng quy mô đào tạo của Trường đã được xác định trong Đề án.

- Tiếp tục đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo và quản lý, nhằm đổi mới cách dạy, cách học, quản trị và quản lý dựa trên công nghệ số hướng tới cung cấp sản phẩm giáo dục chất lượng tốt, chi phí hợp lý và tiếp cận dễ dàng với mọi đối tượng người học.



*g) Về thư viện và tài liệu học tập*

- Phát triển thư viện số trên nền tảng nguồn nội sinh hiện có, đến năm 2025 có khoảng 15.000 tài liệu số phục vụ cho mười nghìn tài khoản hướng tới phát triển thư viện số hiện đại, tăng cường sử dụng các tài liệu học tập và cơ sở dữ liệu (CSDL) điện tử tiên tiến hàng đầu trên thế giới.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các thư viện và cơ quan thông tin, đến năm 2025 mở rộng hợp tác với tất cả các thư viện chuyên ngành luật hàng đầu ở Việt Nam và tối thiểu ba thư viện chuyên ngành các nước trong khu vực.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao với 100% có trình độ đại học và sau đại học. Đầu tư và cải tạo cơ sở vật chất với nền tảng công nghệ hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo chất lượng cao của Nhà trường.

- Đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ thông tin pháp lý và truyền thông (kênh Facebook, website, Youtube, TikTok) cho người dùng.

- Rà soát, chỉnh lý và số hóa toàn bộ hệ thống giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, bộ tài liệu học tập. Tiếp tục biên soạn một số giáo trình và dịch một số giáo trình sau khi đã chuẩn hóa sang tiếng Anh; biên dịch một số giáo trình, sách tham khảo có giá trị của nước ngoài sang tiếng Việt để làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập trong Nhà trường.

**2.2. Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030**

*a) Về đào tạo*

- Chỉ tiêu tuyển sinh các trình độ và hình thức đào tạo mỗi năm tăng 10% so với năm trước liền kề, riêng đối với hình thức đào tạo từ xa, mỗi năm tăng 15% so với năm trước liền kề; quy mô đào tạo đại học hình thức chính quy, thạc sỹ và tiến sỹ ngày càng được mở rộng, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo đại học theo hình thức vừa làm vừa học, hình thức đào tạo từ xa để chất lượng đào tạo của 02 hình thức này giống như hình thức chính quy. Đến năm 2030, quy mô đào tạo của Trường là khoảng 28.398 sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh. Trong đó, có 27.245 sinh viên trình độ đại học học (gồm 18.660 sinh viên theo học hình thức chính quy, 5.940 sinh viên theo học hình thức vừa làm vừa học và 2.645 sinh viên theo học hình thức từ xa), 1.023 học viên cao học và 130 học viên nghiên cứu sinh;

- Mở mới ngành đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sỹ đối với những ngành đào tạo đã có 02 khóa sinh viên tốt nghiệp ở trình độ đại học. Đến năm 2030, Trường sẽ tuyển sinh và đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế và Quản lý nhà nước ở trình độ đại học; và ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh văn pháp lý ở trình độ thạc sỹ.

- Phát triển các chương trình đào tạo đại trà đã được tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học thành các chương trình chất lượng cao. Đến năm 2030, Trường sẽ mở lớp đào tạo chất lượng cao ngành Kinh doanh quốc tế và ngành Quản lý nhà nước;

- Tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn về bồi dưỡng kiến

thức pháp luật và đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của xã hội. Đến năm 2030, mỗi tháng Trường mở hai khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo chuyên đề với số lượng học viên theo học khoảng từ 40 đến 50 học viên; đối với khóa đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ mỗi năm sẽ mở ít nhất 04 khóa học, trong đó có 02 khóa học đặt tại TP. Hà Nội và 02 khóa học đặt tại TP. Hồ Chí Minh.

*b) Về nghiên cứu khoa học*

- Thứ nhất, tiếp tục gia tăng số lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học như gia tăng bài báo đăng trên tạp chí (bài báo trong nước tăng bình quân 10%/năm, bài báo quốc tế ISI/Scopus tăng dần và đến năm 2030 có khoảng 100 bài được công bố trong năm), gia tăng đề tài các cấp trong đó có đề tài cấp bộ (khoảng 20 – 25 đề tài trong toàn bộ giai đoạn) và cấp quốc gia (05 đề tài trong toàn bộ giai đoạn), gia tăng các hội thảo hội thảo quốc gia và quốc tế (bình quân 08 hội thảo/năm); tiếp tục gia tăng sách chuyên khảo (khoảng 15 sách mới/năm).

- Thứ hai, tiếp tục nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học theo định hướng nêu trong giai đoạn 2022-2025 và đặc biệt lưu ý tới chất lượng các bài viết đăng trên tạp chí quốc tế (theo hướng giải pháp trong bài viết không chỉ được đón nhận ở Việt Nam mà cả ở nước ngoài, quốc tế).

- Thứ ba, tiếp tục đa dạng hóa cách tiếp cận sản phẩm nghiên cứu khoa học. Đến năm 2030, sẽ đưa vào khai thác dưới dạng điện tử tất cả các bài báo được công bố trên Tạp chí Khoa học pháp lý, các đề tài các cấp, giáo trình, sách tình huống và nhiều sách tham khảo, chuyên khảo do cán bộ, giảng viên của Trường biên soạn.

*c) Về phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng*

Mở rộng phạm vi, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ pháp lý và các dịch vụ hợp pháp khác nhằm kết nối, phục vụ nhu cầu của các tổ chức và cá nhân trong xã hội và phục vụ nhu cầu thiết thực của cộng đồng; góp phần tăng nguồn thu tài chính của Trường từ hoạt động tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý chất lượng cao. Tăng cường quảng bá và sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử trong hoạt động tư vấn. Đến năm 2030, Trung tâm Tư vấn pháp luật có hoạt động liên kết, hợp tác với các luật sư cộng tác, cơ sở hành nghề dịch vụ pháp lý khác tăng gấp đôi so với năm 2025.

*d) Về nhân lực và tổ chức bộ máy*

- Đến năm 2030, trở thành Đại học đa ngành với việc thành lập một số trường trực thuộc, trong đó trọng tâm vẫn là phát triển ngành đào tạo Luật để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng nguồn nhân lực pháp luật cho các nước. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh có khoảng 600 người với tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 50%, trong đó ít nhất 20% giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 50% giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên

được đào tạo tại nước ngoài; xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến năm 2030 có thể đảm nhiệm ít nhất 20% khối lượng công việc giảng dạy của Trường.

- Đến năm 2030, phần đầu 90% lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài.

- Đến năm 2030, 100% đội ngũ viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

*e) Về hợp tác trong nước và quốc tế*

Trong giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh xác định các mục tiêu cụ thể đối với hoạt động hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế như sau:

- Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế, thực hiện duy trì và ký kết mới được ít nhất 50 thỏa thuận về hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài đến từ nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

- Thứ hai, tiếp tục gia tăng số lượng các hoạt động hợp tác trong nước về đào tạo, nghiên cứu khoa học, nâng cao hiệu quả của việc chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn. Ký kết được ít nhất 20 thỏa thuận nghiên cứu hoặc hợp tác chuyển giao với các cơ sở đào tạo, Viện nghiên cứu, Bộ ngành, địa phương hoặc các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước.

- Thứ ba, tiếp tục gia tăng hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các cơ sở đào tạo luật, nhất là các cơ sở đào tạo nước ngoài. Đến năm 2030, ký được hợp đồng thỉnh giảng với ít nhất 20 giáo sư nước ngoài để tham gia giảng dạy cho các chương trình đào tạo chất lượng cao của nhà trường; tổ chức được ít nhất 10 chương trình trao đổi ngắn hạn ở nước ngoài dành cho giảng viên và sinh viên của trường, ít nhất 10 chương trình giao lưu học tập cho sinh viên chương trình chất lượng cao; tiếp nhận ít nhất 20 đoàn sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường.

*f) Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin*

- Đến năm 2030, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh phải đáp ứng được đầy đủ các điều kiện, tiêu chí về cơ sở vật chất của một trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật, ngang tầm với các nước trong khu vực và tiếp cận với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Hoàn thành và đưa vào khai thác đồng bộ các dự án Đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, Dự án xây dựng cơ sở của Trường tại Phường 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và Dự án xây dựng cơ sở của Trường tại phường Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Khai thác hợp lý các cơ sở của Trường phục vụ cho chiến lược phát triển của một Trường trọng điểm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật cho khu vực phía Nam.

- Hoàn thành chương trình chuyển đổi số trong Trường. Áp dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động đào tạo, quản trị và quản lý của Trường.

*g) Về thư viện và tài liệu học tập*

- Phát triển thư viện số trên nền tảng nguồn nội sinh hiện có, đến năm 2030 có khoảng hai mươi nghìn tài liệu số phục vụ cho mười lăm nghìn tài khoản.

- Từ năm 2026 thư viện tiến hành ứng dụng công nghệ RFID trong việc mượn trả tự động (mượn trả cùng lúc nhiều tài liệu), kiểm kê tài liệu một cách nhanh chóng, chính xác. Ngoài ra, RFID có thể kết hợp với các thiết bị ngoại vi nhằm đảm bảo an ninh và nhận dạng tài liệu khi lưu hành.

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các thư viện và cơ quan thông tin, đến năm 2030 mở rộng hợp tác tối thiểu năm thư viện chuyên ngành các nước trên thế giới.

- Đầu tư và cải tạo cơ sở vật chất với nền tảng công nghệ hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện bộ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập cho các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, cao học, nghiên cứu sinh và bộ tài liệu học tập dành cho sinh viên các lớp thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2030 đáp ứng 100% khả năng phục vụ tài liệu gốc do trường biên soạn.

### **Phần thứ ba**

## **NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO CÁN BỘ VỀ PHÁP LUẬT**

### **1. Về công tác đào tạo (đại học, sau đại học, bồi dưỡng ngắn hạn)**

#### ***1.1. Nhiệm vụ***

+ Rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo và quy chế đào tạo theo phương thức tín chỉ;

+ Tăng số lượng đội ngũ giảng viên cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sỹ, có chức danh giáo sư, phó giáo sư;

+ Đổi mới phương thức giảng dạy và học tập thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các nền tảng mạng xã hội; cải tiến công tác thi, kiểm tra thích ứng với thời đại công nghệ số phù hợp với trình độ đào tạo và hình thức đào tạo;

+ Thực hiện việc kiểm định chất lượng đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

+ Phát triển tài liệu giảng dạy của các học phần tự chọn thành giáo trình, đảm bảo tất cả các học phần có trong chương trình đào tạo đều có giáo trình; mở rộng các nguồn tài liệu bằng tiếng nước ngoài phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

+ Thực hiện việc chỉnh sửa, cập nhật kiến thức pháp luật mới và đa dạng hóa các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật theo ngành và lĩnh vực hoạt động để các cơ quan, doanh nghiệp có thể lựa chọn và đặt hàng;

+ Tiếp tục xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn chuyên sâu về sở hữu trí tuệ theo từng nhóm đối tượng không chỉ góp phần nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo mà còn góp phần thực hiện Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; xây dựng chương trình đào tạo theo hướng trang bị kiến thức pháp luật và đào tạo kiến thức về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ.

#### ***1.2. Giải pháp***

+ Thực hiện tốt các mục tiêu, yêu cầu, tiêu chí và phương thức xét tuyển được nêu ra trong Đề án tuyển sinh đã đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo; mở rộng quy mô đào tạo đối với các lớp chất lượng cao đáp ứng nhu cầu người học và xã hội trên cơ sở quan tâm đến việc tuyển thẳng những thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế bằng ngôn ngữ tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật

hoặc SAT (Scholastic Assessment Test) vào Trường; tăng chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo các chương trình đào tạo liên thông giữa các ngành mỗi năm tăng từ 15 đến 20%/ năm học; tăng số lượng sinh viên các lớp chất lượng cao mỗi năm tối thiểu 10% so với năm trước liền kề;

+ Triển khai thực hiện tốt, sâu rộng chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Luật giảng bằng tiếng Anh đến sinh viên trúng tuyển hệ đại trà để ngày càng có nhiều hơn nữa sinh viên đăng ký học chương trình này; đồng thời quảng bá, truyền thông chương trình đào tạo này đến các trường nước ngoài có liên kết với Trường để thu hút sinh viên nước ngoài theo học;

+ Chú trọng việc đào tạo kỹ năng hành nghề và trình độ ngoại ngữ, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp cận và xử lý tốt công việc chuyên môn. Từ đó, góp phần tạo nên uy tín, danh tiếng của Nhà trường để thực hiện tốt công tác tuyển sinh ở những năm tiếp theo;

+ Tiếp tục ưu tiên đào tạo các chuyên ngành Luật Hành chính – Tư pháp nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp, góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

+ Tiếp tục đổi mới công tác quản lý đào tạo, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong công tác tuyển sinh và quản lý đào tạo;

+ Tiếp tục đổi mới công tác quản lý sinh viên cho phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ và thời đại công nghệ số;

+ Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, trước hết là hệ thống giảng đường, thư viện điện tử và học liệu; có phòng nghiên cứu và sinh hoạt khoa học dành riêng cho các sinh viên lớp chất lượng cao, học viên và nghiên cứu sinh;

+ Đẩy mạnh công tác đổi mới phương pháp giảng dạy; đổi mới cách thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên phù hợp với quy chế đào tạo trong tình hình mới. Phương pháp đào tạo cần chú trọng nhiều hơn đến khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề từ thực tiễn cuộc sống đặt ra, giảm thiểu phương pháp truyền thụ lý thuyết thuần túy; hướng nhiều hơn đến cách thức giảng dạy theo các chương trình đào tạo tiên tiến. Đối với đào tạo trình độ tiến sỹ sẽ tăng cường năng lực sáng tạo, độc lập nghiên cứu, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với công tác quản lý và tạo điều kiện để các nghiên cứu sinh phát huy tối đa khả năng nghiên cứu của mình;

+ Tăng cường thời lượng đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành luật cho sinh viên hình thức chính quy;

+ Xây dựng nhiều chương trình đào tạo ngoại khóa cho sinh viên hình thức chính quy, tạo cơ chế cho sinh viên sử dụng kiến thức chuyên môn của mình tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Liên kết với các địa phương để mở các lớp vừa làm vừa học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực pháp lý cho các tỉnh, thành phố phía Nam, trong đó chú trọng việc đào tạo cán bộ pháp lý cho các địa phương vùng cao, vùng sâu; đồng thời tăng cường công tác quản lý đào tạo hình thức vừa làm vừa học và hình thức từ xa;

+ Triển khai thực hiện thí điểm 01 chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài trong lĩnh vực kinh doanh – quản lý;

+ Xây dựng kế hoạch, trong đó thể hiện rõ lộ trình thực hiện việc kiểm định chất lượng đối với từng chương trình đào tạo ở từng trình độ đào tạo;

+ Xây dựng lộ trình để thực hiện việc biên soạn và ban hành giáo trình giảng dạy đối với trình độ đại học và thạc sỹ;

+ Xây dựng cơ chế đảm bảo thiết thực, hiệu quả để hỗ trợ giảng viên trong việc viết và công bố bài viết tại các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín;

+ Có cơ chế đặc thù trong việc liên kết tuyển sinh và đào tạo trình độ đại học (đối với người đã tốt nghiệp đại học) và thạc sỹ cho các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp, quản lý hành chính nhà nước cho các địa phương;

+ Cơ quan có thẩm quyền cần có những quy định về chuẩn chuyên môn đối với cán bộ phụ trách công tác pháp chế, nhân sự làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các đơn vị kinh doanh; đồng thời, cần có chủ trương bồi dưỡng kiến thức pháp luật thường xuyên đối với nhân sự của các ngành nhằm cập nhật kiến thức pháp luật, vận dụng pháp luật trong giải quyết công việc để phòng ngừa rủi ro pháp lý cho đơn vị mình;

+ Trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật được tham gia đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ tư pháp;

+ Tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ và hiệu quả với Cục Sở hữu trí tuệ đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với các sở khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý nhà nước khác về sở hữu trí tuệ như Cục Bản quyền tác giả, Cục Trồng trọt trong công tác đào tạo và nghiên cứu, bao gồm tổ chức đào tạo, xây dựng đội ngũ chuyên gia giảng dạy, hợp tác trong tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học và các hoạt động nghiên cứu khoa học khác nhằm phục vụ công tác đào tạo và tuyên truyền pháp luật về sở hữu trí tuệ.

## **2. Về công tác nghiên cứu khoa học**

### **2.1. Nhiệm vụ**

- Trường có nhiệm vụ quy tụ đội ngũ giảng viên ngày càng lớn và chất lượng để có thể gia tăng, đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học.

- Trường tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất như xây dựng các viện/trung tâm chuyên sâu về từng lĩnh vực pháp luật và nhất là hệ thống thư viện với số lượng sách gia tăng với sản phẩm nghiên cứu khoa học điện tử ngày càng nhiều, liên kết với cơ sở đào tạo khác trong nước và quốc tế để khai thác được nguồn tài liệu (sản phẩm khoa học), nhất là sản phẩm khoa học điện tử.

- Trường tiếp tục hoàn thiện các quy định để tạo ra môi trường thúc đẩy nghiên cứu khoa học có chất lượng. Ngoài việc hoàn thiện quy định theo hướng buộc nghiên cứu khoa học tối thiểu (theo học hàm, học vị), Trường tiếp tục xây dựng cơ chế khuyến khích giảng viên tạo dựng sản phẩm nghiên cứu khoa học (cá nhân và nhóm) không chỉ được người học mà cả người làm thực tiễn đón nhận;

- Trường cải thiện cơ sở vật chất thuận lợi cho việc nghiên cứu khoa học trong đó có mua bản quyền khai thác các sản phẩm khoa học dưới dạng điện tử bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hay ngôn ngữ phổ thông khác để giảng viên có thể tiếp cận được kiến thức nước ngoài/quốc tế mặc dù vẫn ở Việt Nam.

- Trường sẽ đồng hành cùng giảng viên trong việc quảng bá sản phẩm nghiên cứu khoa học của mình.

## **2.2. Giải pháp**

- Về yếu tố con người, Trường tiếp tục tuyển dụng và ưu tiên những giảng viên không chỉ có khả năng sư phạm mà còn có khả năng nghiên cứu cao, những cá nhân coi nghiên cứu khoa học là một “đam mê”, đặc biệt những cá nhân có thể tiếp cận được kiến thức pháp lý quốc tế và của các hệ thống pháp luật tiên tiến trên thế giới (để có những ý tưởng mới, cách tiếp cận đa chiều). Nâng cao, phát triển kỹ năng của đội ngũ giảng viên hiện có (như bồi dưỡng phương pháp/kỹ năng/kỹ thuật nghiên cứu khoa học); khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các công trình khoa học với các chuyên gia có uy tín trong nước và quốc tế; cho giảng viên nghỉ vẫn hưởng lương trong một thời gian để tập trung nghiên cứu trong nước hay quốc tế về một chủ đề. Thu hút chuyên gia đầu ngành về làm việc cho Trường trong đó đặc biệt lưu ý tới những phó giáo sư, giáo sư hết tuổi quản lý hay những người làm trong thực tiễn trình độ cao sau khi nghỉ hưu. Ưu tiên bồi dưỡng, phát triển và bổ nhiệm những cá nhân có tố chất dẫn nghiên cứu khoa học đứng đầu các đơn vị/bộ phận có hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Về sản phẩm khoa học, bên cạnh việc duy trì và phát triển các sản phẩm khoa học phục vụ đào tạo như giáo trình/tạp chí/đề tài nghiên cứu khoa học các cấp (trong đó khuyến khích đề tài cấp bộ/cấp nhà nước), khuyến khích sản phẩm nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu thực tiễn; tạo điều kiện để giảng viên tham gia xây dựng pháp luật (như là thành viên của Tổ biên tập dự thảo Luật/Nghị định) hay kết hợp nghiên cứu khoa học với các đơn vị tham gia xây dựng pháp luật (như đơn vị của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Trung tâm trọng tài...). Hỗ trợ tài chính/kỹ thuật/hành chính để giảng viên công bố sản phẩm khoa học của mình, để chuyên hóa kỹ yếu hội thảo thành sách/bài trên tạp chí; tạo điều kiện về mặt tài chính/hậu cần để giảng viên tham dự các hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế để giới thiệu sản phẩm khoa học; tạo điều kiện cho giảng viên tham gia viết sách, đăng bài ở những địa chỉ uy tín trong nước và quốc tế. Tăng thù lao/kinh phí, thưởng trong nghiên cứu khoa học để giảng viên coi đó là một hoạt động có thu nhập (trong đó lưu ý hạn chế thủ tục hành chính để việc thanh toán thù lao/kinh phí/thưởng được tiến hành nhanh chóng và đơn giản). Phát triển các trung tâm/viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu thuộc Trường để đẩy



manh nghiên cứu từng lĩnh vực cụ thể, đặc biệt tính đến điểm mạnh của Trường là nằm tại khu vực kinh tế-xã hội rất phát triển và năng động.

- Về khai thác sản phẩm khoa học, xây dựng cơ chế để có ngày càng nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học dưới dạng điện tử và xây dựng cơ sở hạ tầng tốt để có thể cho khai thác ngày càng nhiều sản phẩm nghiên cứu khoa học dưới dạng điện tử. Bên cạnh đó, trên website của Trường sẽ xây dựng một mục chuyên về công khai công bố sản phẩm của từng cán bộ/giảng viên, cập nhật theo định kỳ (một hình thức minh bạch sản phẩm nghiên cứu khoa học của Trường).

### **3. Về công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật và phục vụ cộng đồng**

- Nâng cao năng lực và mở rộng hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật để tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho khách hàng; đầu tư, hỗ trợ thỏa đáng nguồn lực vật chất và nhân sự để Trung tâm triển khai hoạt động.

- Có chính sách khuyến khích giảng viên tham gia tư vấn pháp luật và cung cấp dịch vụ pháp lý chất lượng cao. Xây dựng mạng lưới cộng tác viên là giảng viên, cán bộ quản lý, nhà khoa học, chuyên gia thuộc các cơ quan Nhà nước, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật khác và các luật sư, tư vấn viên hành nghề tự do. Tăng cường liên kết với các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp trong và ngoài nước để trao đổi, nâng cao nghiệp vụ tư vấn và khai thác tốt thị trường dịch vụ tư vấn. Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng, tọa đàm, trao đổi rút kinh nghiệm giữa các nhóm giảng viên, các chuyên gia tham gia hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý từ đó nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp trong hoạt động này.

- Tăng cường quảng bá, nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ pháp lý của Trường. Xây dựng mạng lưới khách hàng thường xuyên sử dụng pháp lý của Trường. Tăng cường liên hệ với các cơ quan Nhà nước để thực hiện hoạt động tư vấn và làm dịch vụ pháp lý cho các cơ quan này trong công tác xây dựng, hoạch định chính sách pháp luật và trong hoạt động nghiệp vụ. Tham gia đấu thầu và triển khai thực hiện các gói thầu về tư vấn và phản biện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phản biện dự án luật, xây dựng dự án luật, đánh giá nhu cầu xây dựng pháp luật, điều tra xã hội học trong lĩnh vực pháp luật...

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu của xã hội, trước hết là các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp và người dân có nhu cầu. Tăng cường hoạt động quảng bá và xây dựng, hoàn thiện chương trình các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có nội dung thiết thực, đa dạng và thường xuyên được cập nhật cho phù hợp với nhu cầu của người học.

- Khuyến khích giảng viên, nhất là các giảng viên trẻ và người học tham gia vào hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, pháp luật, tham gia hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật để có thêm kiến thức thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tốt các nguồn lực trong xã hội tham gia vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Trường và của các cơ quan ban ngành khác.

## **4. Về phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy**

### **4.1. Về tổ chức bộ máy**

#### *4.1.1. Nhiệm vụ*

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và bộ máy của Trường theo đúng quy định và định hướng phát triển của Nhà trường.

- Xây dựng bộ máy Nhà trường khoa học, phù hợp, gọn nhẹ, vận hành có hiệu lực và hiệu quả, đảm bảo đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội trong bối cảnh hội nhập.

- Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống các quy định, quy chế của nhà trường nhằm cụ thể hoá đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của nhà trường, với việc xác định rõ ràng và cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị trong trường, đảm bảo hoạt động của nhà trường luôn nhịp nhàng, hiệu quả.

#### *4.1.2. Giải pháp*

- Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn; các đơn vị thuộc Trường được phân định nhiệm vụ, quyền hạn rành mạch, rõ ràng, có quan hệ phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả; nghiên cứu thành lập một số viện nghiên cứu hoặc tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ theo hướng tự chủ; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học – công nghệ tiên tiến trong quản lý điều hành, đào tạo, giảng dạy – học tập; từng bước áp dụng tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị hiện đại.

- Đến năm 2025, hoàn thiện bộ máy của nhà trường trên cơ sở củng cố các đơn vị hiện có và thành lập mới một số đơn vị, công ty nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu, ứng dụng khoa học pháp lý của xã hội.

- Củng cố các đơn vị hiện có và thành lập một số đơn vị mới như:

+ Phòng Biên tập và Trị sự Tạp chí Khoa học pháp lý.

+ Công ty sản xuất và phát hành học liệu;

+ Công ty tổ chức sự kiện;

+ Thành lập các đơn vị thuộc khoa, phòng: bộ môn, trung tâm, bộ phận cố vấn sinh viên...

Đồng thời, nâng cấp một số Trung tâm của Nhà trường thành các Viện nghiên cứu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo.

- Tiến hành rà soát để sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế hiện hành cho phù hợp trong điều kiện mới; Triển khai việc xây dựng các quy định, quy chế mới cho các đơn vị mới thành lập trên cơ sở phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và tình hình cụ thể của nhà trường.

### **4.2. Về đội ngũ viên chức**

#### *4.2.1. Nhiệm vụ*

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ của Trường theo hướng chuẩn hóa.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ về số lượng, vững về chính trị, mạnh về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ, có bản lĩnh và uy tín trong giảng dạy, nghiên cứu và quản lý phù hợp với quy mô đào tạo của Trường. Từng bước giảm dần tỷ lệ sinh viên / giảng viên. Đến năm 2025, tỷ lệ sinh viên hệ chính quy trên giảng viên là 20 sinh viên/ giảng viên

- Xây dựng đội ngũ viên chức hành chính tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, có khả năng sáng tạo, thực hiện tốt công việc, có năng lực hội nhập; Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và tiêu chí đánh giá công tác của đội ngũ viên chức hành chính; chú trọng đào tạo bồi dưỡng kiến thức, năng lực làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính.

- Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Trường đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới, nhằm tạo sự chủ động, sớm phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập, được đào tạo bài bản để quy hoạch, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, đáp ứng các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của nhà trường. Chú trọng kiện toàn các đơn vị, trong đó đặt trọng tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ những đơn vị thế mạnh, chủ lực của Trường.

#### 4.2.2 Giải pháp

- Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng theo hướng: phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị, xác định cơ cấu giảng viên theo hướng tăng tỷ lệ tiến sĩ; thu hút các giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài. Chú trọng rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; khuyến khích và tạo điều kiện cho giảng viên tham gia hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, hoạt động tư vấn và thực hành nghề luật; đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.

- Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước; mời các giáo sư, chuyên gia pháp luật có uy tín là người Việt Nam ở nước ngoài, các thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, luật sư, chuyên gia pháp luật, các luật sư nước ngoài đang hành nghề tại Việt Nam, cán bộ quản lý đang công tác tại các tòa án, các cơ quan tư pháp, các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp và các tổ chức xã hội – nghề nghiệp khác tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hình thức khuyến khích cán bộ, giảng viên nhanh chóng nâng cao trình độ. Tiến tới xây dựng những quy định bắt buộc giảng viên nữ dưới 45 tuổi và giảng viên nam dưới 50 tuổi nhất thiết phải lần lượt làm nghiên cứu sinh, nếu không hoàn thành nhiệm vụ sẽ chuyển sang công tác khác thích hợp hơn.

## **5. Về hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế**

### **5.1. Nhiệm vụ**

- Thứ nhất, củng cố, duy trì mối quan hệ hợp tác ổn định, có chiều sâu với các đối tác nước ngoài truyền thống của trường; thiết lập mối quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài mới, từng bước hoàn thiện cơ chế tìm kiếm và quản lý các dự án hợp tác quốc tế một cách chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

- Thứ hai, mở rộng hoạt động hợp tác với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong nước để nâng cao hiệu quả trong việc triển khai các hoạt động liên kết đào tạo, hợp tác giảng dạy; trong việc phối hợp thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học liên ngành và đa ngành; trong việc chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương và của cả nước.

- Thứ ba, mở rộng hợp tác với chính quyền địa phương các cấp để thực hiện việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học của nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật tại các địa phương.

- Thứ tư, đa dạng hóa các mô hình hợp tác, liên kết trong đào tạo và nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động này.

- Thứ năm, tăng cường tìm kiếm và ký kết các thỏa thuận để thực hiện các chương trình trao đổi về nghiên cứu, giảng dạy cho giảng viên và về học tập cho sinh viên của trường tại nước ngoài.

### **5.2. Giải pháp**

- Tiếp tục duy trì các quan hệ với các đối tác hợp tác quốc tế truyền thống của Nhà trường như Úc, Anh, Pháp, Nga, Nhật Bản và Estonia...

- Thúc đẩy các cơ hội hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu với những đối tác mới đầy tiềm năng như Hungary, Newzealand, Thái Lan, Singapore, Đức, Canada, Na Uy, v.v... Khai thác những thế mạnh của từng đối tác trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi sinh viên, giảng viên; trao đổi, chia sẻ tài liệu, thông tin khoa học...

- Tiếp tục duy trì và củng cố uy tín và chất lượng đào tạo các chương trình liên kết với nước ngoài mà trường đang thực hiện như chương trình liên kết đào tạo Thạc sỹ với Đại học Tây Anh Quốc và Pháp. Mở rộng thêm khả năng thực hiện các chương trình liên kết tương tự đối với những quốc gia khác.

- Thành lập một số trung tâm nghiên cứu pháp luật nước ngoài nhằm phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy pháp luật nước ngoài như Trung tâm nghiên cứu pháp luật Nga, Nhật Bản, Trung Quốc...

- Xây dựng cơ chế khuyến khích và giao trách nhiệm để các đơn vị thuộc trường, các cá nhân chủ động kết nối và tìm nguồn hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học hoặc trong các hoạt động phù hợp khác nhằm đa dạng hóa và bảo đảm tốt nhất tính ổn định và bền vững trong hợp tác trong và ngoài nước về đào tạo, nghiên cứu.

- Nỗ lực tìm kiếm các dự án hợp tác quốc tế lớn và thu hút các nguồn tài trợ nước ngoài để hỗ trợ cho các hoạt động của Trường, qua đó mở rộng thêm nhiều cơ hội cho các giảng viên và sinh viên của Trường tham gia trao đổi, nghiên cứu ở cấp độ quốc tế và khu vực.

- Có những biện pháp tích cực, hữu hiệu để quảng bá thương hiệu “Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh” với các đối tác nước ngoài, thu hút sự quan tâm, chú ý của các đối tác này nhằm thúc đẩy mạnh mẽ, hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế.

- Hoàn thiện website phiên bản tiếng Anh của Nhà trường để mở rộng thêm khả năng cung cấp thông tin và giới thiệu, quảng bá nhà trường với các đối tác nước ngoài.

- Tăng cường trao đổi giảng viên giữa các cơ sở đào tạo luật trong nước và ngoài nước, mời các chuyên gia, giáo sư là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, những người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật như thẩm phán, điều tra viên, kiểm sát viên, công chứng viên, luật sư, v.v... về tham gia giảng dạy và hướng dẫn thực hành cho sinh viên. Có chính sách thu hút người nước ngoài vào làm việc tại Trường, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để tuyển dụng người nước ngoài vào làm việc tại trường.

- Khuyến khích giảng viên, sinh viên thực hiện việc nghiên cứu khoa học với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, những người làm thực tiễn ngoài trường (trong nước hoặc ngoài nước).

- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo luật trong Mạng lưới các cơ sở đào tạo luật trong nước, đặc biệt là Trường Đại học Luật Hà Nội thông qua việc trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sử dụng chung cơ sở dữ liệu tại thư viện, dùng chung giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy cũng như thừa nhận kết quả đào tạo khi người học có nhu cầu chuyển đổi cơ sở đào tạo ...

- Tích cực tìm kiếm và tổ chức các hoạt động liên kết đào tạo với các địa phương, gắn với nhu cầu của địa phương; đẩy mạnh việc “đào tạo có địa chỉ” theo đặt hàng của các địa phương, các đơn vị sử dụng lao động.

- Kết nối, đàm phán với các đoàn đại biểu quốc hội của các tỉnh khu vực phía Nam để xây dựng đề án phối hợp nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu, phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật.

- Tăng cường kết nối và thiết lập quan hệ hợp tác với chính quyền các địa phương và tìm kiếm các dự án nghiên cứu mang tính ứng dụng của các địa phương liên quan tới hoạt động thực thi pháp luật và quản lý hành chính của địa phương đó.

- Tiếp tục đàm phán và thực hiện các chương trình nghiên cứu ngắn hạn cho cán bộ, giảng viên ở Tallinn (Estonia) và một số nước khác; tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên của Trường có cơ hội ra nước ngoài học tập kinh nghiệm, trau dồi kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy theo nhiều phương thức khác nhau.

- Đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, tiếp tục đa dạng hoá mô hình đào tạo cho bậc cử nhân như chương trình 2+2 hoặc 3+1, v.v., đa dạng hóa phương thức, hình thức giảng dạy, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng đầu ra của chương trình nhằm thích ứng với sự thay đổi của xã hội; đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa nhằm bổ sung thêm kỹ năng mềm và kỹ năng hành nghề của sinh viên.

- Tổ chức nhiều hơn các chương trình đưa sinh viên, trước hết là sinh viên thuộc các chương trình đào tạo chất lượng cao của Trường đi tham quan, học tập ở các nước trong khu vực Châu Á và các quốc gia khác.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể để tận dụng ưu thế và khả năng của giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên trong việc tích cực thúc đẩy các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước, huy động và khuyến khích các sinh viên có trình độ ngoại ngữ tốt tích cực tham gia hỗ trợ cho hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

- Thành lập một bộ phận chuyên trách để quản lý và triển khai các dự án hợp tác trong và ngoài nước thuộc Phòng Quản lý Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế nhằm thống nhất đầu mối quản lý và nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động hợp tác trong và ngoài nước.

## **6. Về cơ sở vật chất và công nghệ thông tin**

### **6.1. Giai đoạn 2022 – 2025**

#### **6.1.1. Nhiệm vụ**

- Hoàn thành và đưa vào khai thác Dự án đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức – giai đoạn 1.

- Triển khai Dự án đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức – giai đoạn 2.

- Đến năm 2025, phần đầu cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, giai đoạn 2 đảm bảo kết nối, khai thác đồng bộ các hạng mục công trình ở cả 02 dự án (bao gồm các khối nhà học tập và nhà điều hành) phục vụ nhu cầu của Trường.

- Triển khai các nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình.

#### **6.1.2. Giải pháp**

- Điều chỉnh thu hẹp quy mô Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức từ 29,6ha xuống còn khoảng 20ha (bao gồm 12,8ha đất công và phần đất phải bồi thường giải phóng mặt bằng của các hộ dân) theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo tính khả thi, tiến độ thực hiện.

- Điều chỉnh quy hoạch 1/2000 Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức để bổ sung ký túc xá dành cho sinh viên.

- Điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức – giai đoạn 1 nhằm tháo gỡ khó khăn về mặt bằng thi công để hoàn thành các hạng mục còn lại của dự án giai đoạn 1.

- Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phân đất phải thu hồi của các hộ dân của Dự án xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức sau khi đã thu hẹp quy mô xuống 20ha.

- Trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức, giai đoạn 2.

- Triển khai hạng mục xây dựng hạ tầng và hàng rào khuôn viên của Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 5,6ha tại đường Nguyễn Hoàng, Phường 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 4,048ha tại phường Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Có kế hoạch đầu tư mua sắm các trang thiết bị, hạ tầng công nghệ phù hợp với nhu cầu chuyển đổi số; đầu tư mua sắm các phần mềm hỗ trợ đào tạo trực tuyến (giảng dạy, học tập, thi), các phần mềm phục vụ quản trị và quản lý; xây dựng và khai thác các nguồn học liệu dưới hình thức số hóa phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của giáo viên và sinh viên.

- Huy động và tranh thủ các nguồn lực tài chính để triển khai các nhiệm vụ đầu tư cơ sở vật chất. Trong đó, kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cho Đề án là nguồn vốn chủ yếu để Trường triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, nguồn vốn tự có do Trường tích lũy, vốn tài trợ quốc tế, vốn tín dụng ưu đãi đóng vai trò quan trọng trong việc đầu tư cơ sở vật chất. Mặt khác, Trường sẽ vận dụng một cách sáng tạo các quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực xã hội cho sự đầu tư cơ sở vật chất của Trường thông qua các hình thức phù hợp.

## **6.2. Giai đoạn 2026 – 2030**

### **6.2.1. Nhiệm vụ**

- Triển khai Dự án đầu tư xây dựng Ký túc xá sinh viên trong Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức.

- Triển khai và hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng đồng bộ Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 5,6ha tại đường Nguyễn Hoàng, Phường 7, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng đồng bộ Dự án xây dựng cơ sở đào tạo của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trên diện tích 4,048ha tại phường Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Hoàn thành chương trình chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động đào tạo và quản lý của Trường.

### 6.2.2. Giải pháp

- Bên cạnh nguồn vốn chủ yếu từ Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho Đề án, Trường chú trọng đến việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách, các hình thức hợp tác, đối tác công tư, liên doanh liên kết... phù hợp theo các quy định của pháp luật để xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất của Trường.

- Nâng cấp, đầu tư mới các chương trình, phần mềm phục vụ cho hoạt động đào tạo và quản lý của Trường, tạo điều kiện để từng tập thể, cá nhân, mỗi giáo viên, học sinh có thể tham gia và hoạt động hiệu quả. Trên cơ sở đó sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu, xây dựng kho tài nguyên học tập số. Qua đó, công tác quản lý, hoạt động học tập, nghiên cứu, giảng dạy, chia sẻ tri thức trở nên hiệu quả, thiết thực.

## 7. Về thư viện và tài liệu học tập

### 7.1. Nhiệm vụ

- Xây dựng Trung tâm Thông tin – Thư viện Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trở thành đơn vị có cơ sở vật chất hiện đại, nguồn lực thông tin phong phú, đa dạng phục vụ cho công tác đào tạo của Trường và nhu cầu nghiên cứu pháp luật của khu vực phía Nam.

- Xây dựng phương hướng tổ chức và hoạt động Thông tin – Thư viện nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập và phục vụ người sử dụng trong và ngoài trường.

- Mở rộng hợp tác toàn diện và sâu rộng đối với thư viện các cơ sở đào tạo luật tại Việt Nam với vai trò là trung tâm lưu trữ lớn và sáng tạo trong lĩnh vực đào tạo chuyên ngành luật. Đẩy mạnh tiếp cận với các nguồn thông tin, đặc biệt là thông tin số. Tăng cường mở rộng duy trì các mối liên hệ sẵn có với các thư viện các trường đại học nước ngoài nhằm trao đổi sách báo, tài liệu với nước ngoài (thông qua các dự án, chương trình, biểu tặng...).

- Tích cực tham gia vào hệ thống thư viện thuộc các hiệp hội thư viện thuộc khối các trường đại học, cao đẳng. Đồng thời, xây dựng và kết nối hệ thống thư viện điện tử của nhà trường với hệ thống thư viện điện tử của các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (đào tạo và đào tạo lại, tập huấn cán bộ, cơ chế sử dụng cán bộ thư viện, ưu đãi các chuyên gia thư viện...).

- Từng bước chuẩn hoá nghiệp vụ thư viện (theo chuẩn chung MARC21, AACR2, LCC, Dublincore).

- Ứng dụng khoa học và công nghệ thư viện bao gồm: xây dựng cơ sở vật chất, đẩy nhanh tiến độ ứng dụng công nghệ - thông tin, số hoá tài liệu, chia sẻ nguồn tài nguyên thư viện...



- Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực thư viện; trao đổi kinh nghiệm (thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn...) và hỗ trợ chuyên giao khoa học và công nghệ thư viện giữa các đơn vị liên kết.

- Xây dựng Trung tâm Học liệu trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh trở thành đơn vị cung ứng nguồn học liệu chuyên ngành luật hàng đầu cả nước và khu vực. Tạo lập và mở rộng thêm bộ giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, tạp chí chuyên ngành chuẩn về nội dung và hình thức, đáp ứng và phù hợp với tình hình mới. Phấn đấu giữ vững vai trò là đơn vị đầu tàu trong việc cung cấp nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là khu vực phía Nam.

## **7.2. Giải pháp**

### *a) Về số hóa tài liệu, xây dựng phát triển tài liệu nội sinh*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Bổ sung, thay thế các trang thiết bị đã cũ hoặc không còn phù hợp với thực tiễn (máy scan, phần mềm thư viện số, phần mềm chỉnh sửa ảnh, mạng máy tính, thiết bị ngoại vi...).

- Lựa chọn và bổ sung các tài liệu có chất lượng cao phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xây dựng chính sách khai thác một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và thay thế các thiết bị ngoại vi, máy móc, phần mềm đã cũ và lỗi thời để đảm bảo duy trì hoạt động ổn định của hệ thống.

- Tăng cường số lượng tài liệu từ 15.000 tài liệu số giai đoạn 2021-2025 lên 25.000 tài liệu vào năm 2030.

- Tiếp tục hoàn thiện và bổ sung chính sách khai thác cho phù hợp với thực tiễn.

### *b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Bổ sung thêm 500 bộ máy tính.

- Trang bị máy in, scan và phần mềm số hoá tài liệu.

- Thay mới hệ thống bàn ghế, tủ cá nhân, kệ sách, nâng số lượng chỗ ngồi lên 2000 chỗ trong cùng một thời điểm cho cả 3 cơ sở.

- Trang bị hệ thống máy chiếu, máy lạnh, âm thanh ánh sáng, phòng học nhóm, phòng đa phương tiện, không gian học tập chung.

- Mở rộng diện tích thư viện từ 4.450m<sup>2</sup> (tổng diện tích cơ sở Nguyễn Tất Thành và Bình Triệu hiện tại) lên 10000-15000m<sup>2</sup> khi cơ sở Long Phước xây dựng xong và đưa vào hoạt động.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

- Đầu tư xây dựng thư viện điện tử tại cơ sở Long Phước trở thành thư viện hiện đại nhất trong các thư viện của các cơ sở đào tạo ngành luật ở phía Nam.

- Tiếp tục xây dựng và cải tạo không gian học tập để đáp ứng nhu cầu tin của người sử dụng (xây dựng và mở rộng không gian học tập chung ở các cơ sở - khu tự học ở các sảnh, khu vực sân trường).

*c) Về hoạt động hợp tác, liên kết*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

Tổ chức ít nhất một buổi tham quan/năm, học hỏi kinh nghiệm tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước và ít nhất một buổi tọa đàm/năm hoặc hội thảo khoa học để xây dựng nguồn học liệu dùng chung, trao đổi kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và nguồn học liệu. Tiếp tục liên kết và mở rộng mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo luật đã thiết lập và tăng cường, mở rộng mạng lưới liên kết trong tương lai. Kết nối, chia sẻ sâu rộng trong các hoạt động thư viện như nguồn lực thông tin, sản phẩm và dịch vụ, chuyên môn nghiệp vụ (trao đổi sách, giáo trình, thư viện số, nguồn tài liệu nội sinh, chia sẻ thông tin thư mục...).

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đơn vị đào tạo nước ngoài (tối thiểu 05 đơn vị). Áp dụng những thành tựu khoa học từ các đơn vị liên kết vào hoạt động thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ.

*d) Về công tác nhân sự*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Tổ chức các buổi tập huấn đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho chuyên viên tối thiểu 1 lần/năm.

- Phấn đấu xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ đại học và sau đại học đạt tỷ lệ 100%; trong đó tối thiểu 70% nhân sự có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thư viện, phát hành xuất bản phẩm.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

Phấn đấu xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ 50% trên tổng số lượng nhân sự cơ hữu.

*e) Về đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ thông tin, truyền thông*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Xây dựng và phát triển một số dịch vụ mới trên môi trường kỹ thuật số.

- Đẩy mạnh xây dựng website, facebook, youtube, zalo trong việc tuyên truyền quảng bá các dịch vụ và sản phẩm thông tin.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

- Phát triển thư viện số thành trung tâm tri thức số, tiếp tục phát triển và bổ sung dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu tin của mọi đối tượng.

- Xây dựng và phát triển các dịch vụ thông tin trên TikTok, Twitter, Instagram và các nền tảng ứng dụng khác trong tương lai.

*f) Về vấn đề xây dựng và chỉnh lý bộ giáo trình, tài liệu học tập*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Tăng cường hợp tác với tất cả các đơn vị đào tạo luật trong nước và khu vực về vấn đề phát hành, biên soạn, trao đổi giáo trình, tập bài giảng...

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển website bán hàng online, phục vụ 100% tài liệu gốc cho mọi đối tượng.

- Số hóa 100% bộ giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo của trường và đưa vào khai thác và sử dụng trên thư viện số.

- Từng bước chuyển đổi bộ giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo sang ngôn ngữ tiếng Anh đáp ứng nhu cầu đào tạo của người học thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

- Số hóa và phân phối 100% giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo theo hình thức điện tử.

- Mua bản quyền và biên dịch một số bộ giáo trình, sách chuyên khảo của một số nhà xuất bản nổi tiếng, trường đại học đào tạo luật hàng đầu thế giới nhằm nâng cao số lượng và chất lượng của nguồn học liệu.

*g) Về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin*

\* Giai đoạn 2021 – 2025:

- Triển khai sớm phần mềm chống đạo văn phục vụ cho hoạt động tra trùng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nâng cấp phần mềm thư viện và sớm triển khai thư viện số đưa vào phục vụ người sử dụng.

\* Giai đoạn 2026 – 2030:

- Áp dụng công nghệ RFID trong hệ thống thư viện nhằm mục đích tiết kiệm thời gian công sức của cán bộ thư viện trong hoạt động chuyên môn, đồng thời giúp người sử dụng được trải nghiệm tiện ích như mượn trả sách tự động mà không mất thời gian chờ đợi.

- Xây dựng được ứng dụng thư viện trên điện thoại thông minh để người sử dụng có thể truy cập dữ liệu bất cứ đâu, bất cứ khi nào, xóa bỏ rào cản không gian và thời gian đáp ứng yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

**Phần thứ tư**  
**KINH PHÍ THỰC HIỆN,**  
**KIẾN NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. KINH PHÍ ĐỀ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**1. Tổng kinh phí của toàn bộ Đề án: 2.622.843 triệu đồng.**

**1.1. Kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước**

Kinh phí thực hiện Giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh (*Phụ lục 1*): **1.613.994 triệu đồng**. Dự kiến các nguồn kinh phí như sau:

- Ngân sách nhà nước : 70%
- Vốn tự tích lũy của Trường : 15%
- Các nguồn vốn khác : 15%.

Trong đó:

- + Giai đoạn 1: từ năm 2022 đến năm 2025: **1.344.128 triệu đồng**
- + Giai đoạn 2: từ năm 2026 đến năm 2030: **269.866 triệu đồng**.

**1.2. Kinh phí đầu tư do Nhà trường chủ động từ nguồn vốn tự tích lũy và các nguồn vốn khác: 1.008.849 triệu đồng**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Kinh phí (đvt: triệu đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giảng viên	55.500	<i>Phụ lục 4</i>
2	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	682.848	<i>Phụ lục 5</i>
3	Kinh phí biên soạn mới, chỉnh lý giáo trình, tài liệu học tập	7.188	<i>Phụ lục 6</i>
4	Kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học	158.925	<i>Phụ lục 7</i>
5	Kinh phí đầu tư CSDL cho Trung tâm Thông tin – thư viện	31.538	<i>Phụ lục 8</i>
6	Kinh phí đầu tư công nghệ thông tin	72.850	<i>Phụ lục 9</i>

Dự kiến các nguồn kinh phí như sau:

- Vốn tự tích lũy của Trường : 30%
- Các nguồn vốn khác : 70%

## 2. Phân bổ kinh phí theo từng giai đoạn

### a. Giai đoạn 1: từ năm 2022 đến năm 2025: 136.815 triệu đồng

Trong đó:

TT	Danh mục	Kinh phí (đvt: triệu đồng)	Ghi chú
1	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giảng viên	21.500	Phụ lục 4
2	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	4.438	Phụ lục 5
3	Kinh phí biên soạn mới, chỉnh lý giáo trình, tài liệu học tập	2.459	Phụ lục 6
4	Kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học	56.340	Phụ lục 7
5	Kinh phí đầu tư CSDL cho Trung tâm Thông tin – Thư viện	12.748	Phụ lục 8
6	Kinh phí đầu tư công nghệ thông tin	39.330	Phụ lục 9

### b. Giai đoạn 2: từ năm 2026 đến năm 2030: 872.034 triệu đồng

Trong đó:

TT	Danh mục	Kinh phí (đvt: triệu đồng)	Ghi chú
1	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giảng viên	34.000	Phụ lục 4
2	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	678.410	Phụ lục 5
3	Kinh phí biên soạn mới, chỉnh lý giáo trình, tài liệu học tập	4.729	Phụ lục 6
4	Kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học	102.585	Phụ lục 7
5	Kinh phí đầu tư CSDL cho Trung tâm Thông tin – Thư viện	18.790	Phụ lục 8
6	Kinh phí đầu tư công nghệ thông tin	33.520	Phụ lục 9

## II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

- Cho phép Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được điều chỉnh quy mô Dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức theo hướng thu hẹp từ 29,6ha xuống khoảng 20ha cho phù hợp với khả năng tài chính của Trường.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách cho Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh để nhanh chóng hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng toàn bộ diện tích đất của dự án tổng thể sau khi đã điều chỉnh thu hẹp quy mô dự án.

- Cho Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được vay vốn ODA cho phát triển giáo dục đề đầu tư cho dự án xây dựng Trường tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức.

- Cho phép Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được huy động các nguồn lực xã hội thông qua các hình thức theo quy định của pháp luật để đầu tư xây dựng ký túc xá sinh viên tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức và đầu tư xây dựng cơ sở của Trường tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Kiến nghị với UBND TP. Hồ Chí Minh:

- Nhanh chóng hoàn thành các thủ tục hành chính để điều chỉnh quy hoạch 1/2000 và 1/500 của dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại phường Long Phước, TP. Thủ Đức cho phù hợp với việc điều chỉnh thu hẹp quy mô dự án để phù hợp với khả năng tài chính của Trường và đảm bảo tính khả thi.

- Nhanh chóng thông qua đơn giá đền bù làm cơ sở để tiến hành đền bù cho các hộ dân, thu hồi và bàn giao mặt bằng cho Trường để triển khai dự án.

3. Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh Khánh Hòa cùng các cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh hoàn thành các thủ tục hành chính về phê duyệt quy hoạch, phê duyệt dự án đầu tư và triển khai các Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tại 02 khu đất của Trường đã được cấp tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

4. Kiến nghị Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cho Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh được hưởng một số cơ chế đặc thù, cụ thể như sau:

- Cho phép Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được liên kết đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học và cao học trong lĩnh vực pháp luật với các đơn vị có chức năng thuộc các tỉnh, thành phía Nam để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức tại các địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp, cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

- Có cơ chế cho Trường được ưu tiên trong việc tiếp nhận các nguồn vốn ODA để phát triển hoạt động giáo dục, xây dựng cơ sở vật chất; có cơ chế để Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tham gia tiếp nhận các khoản viện trợ, tài trợ từ nước ngoài thuộc các chương trình, dự án có liên quan đến lĩnh vực nhà nước và pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ;

- Có cơ chế cho Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được tham gia vào các chương trình, dự án của Đảng và nhà nước về đào tạo nguồn nhân lực cán bộ pháp luật; hoặc các chương trình, dự án nghiên cứu về nhà nước và pháp luật, xây dựng luật/ng nghị định hoặc tham gia phản biện các dự thảo luật/ng nghị định.

- Cho phép Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh được nhận đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Public Private Partnership - PPP), được ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP với các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất và phát triển hoạt động đào tạo, NCKH của Trường.

5. Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo đổi mới cách sắp xếp và đặt tên các nhóm ngành và các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật cho phù hợp. Nhanh chóng xây dựng và ban hành chuẩn chương trình đào tạo về lĩnh vực pháp luật để chấn chỉnh lại tình trạng đào tạo về luật ở Việt Nam hiện nay. Cần quy định các điều kiện tối thiểu về giảng viên cơ hữu, chương trình đào tạo, giáo trình và nguồn tài liệu học tập tại thư viện để được đào tạo về pháp luật. Không cho phép hoặc không tiếp tục cho phép đào tạo về lĩnh vực pháp luật đối với các trường chưa đủ điều kiện.

### **III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh xây dựng và thực hiện Đề án; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và định kỳ báo cáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh thực hiện Đề án trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan chỉ đạo Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực đầu tư để thực hiện Đề án.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố liên quan có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thực hiện Đề án này.

**Phần thứ năm**  
**CÁC PHỤ LỤC**

Phụ lục 1	Kết quả tuyển sinh
Phụ lục 2	Quy mô đào tạo
Phụ lục 3	Số lượng người học tốt nghiệp
Phụ lục 4	Kinh phí, quy mô đào tạo, bồi dưỡng giảng viên
Phụ lục 5	Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất
Phụ lục 5A	Quy mô, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất Dự án Q9 GD 2 TP.Thủ Đức
Phụ lục 5B	Quy mô, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất Dự án Cam Ranh – Đà Lạt
Phụ lục 6	Kinh phí phát triển nguồn học liệu
Phụ lục 7	Kinh phí nghiên cứu khoa học
Phụ lục 8	Kinh phí đầu tư tài liệu nghiên cứu, học tập cho Trung tâm Thông tin – Thư viện
Phụ lục 9	Kinh phí đầu tư công nghệ thông tin



**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ TUYỂN SINH**

STT	Loại chỉ tiêu	Năm								
		2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1.	Tiến sỹ	17	19	21	23	25	28	31	34	37
2.	Thạc sỹ	250	275	303	333	366	403	443	487	536
3.	Đào tạo đại học chính quy	2.310	2.540	2.795	3.075	3.385	3.725	4.100	4.510	4.960
4.	Đào tạo đại học chính quy, dành cho người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên	330	360	400	440	485	535	590	650	715
5.	Đào tạo đại học vừa làm vừa học	795	875	960	1.055	1.160	1.280	1.410	1.550	1.700
6.	Đào tạo đại học từ xa	300	330	360	400	460	530	610	700	805
<b>Cộng:</b>		<b>4.002</b>	<b>4.399</b>	<b>4.839</b>	<b>5.326</b>	<b>5.881</b>	<b>6.501</b>	<b>7.184</b>	<b>7.931</b>	<b>8.753</b>

**Ghi chú:**

1. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học và sau đại học hằng năm được tính dựa theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ;

2. Về xác định chỉ tiêu hằng năm:

- Đối với đào tạo trình độ tiến sỹ: từ năm 2022 đến năm 2030 dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh là không tăng;
- Đối với đào tạo trình độ thạc sỹ: từ năm 2022 đến năm 2030 dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm tăng 10% so với năm trước liền kề;
- Đối với đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy: từ năm 2022 đến năm 2030 dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm tăng 10% so với năm trước liền kề;
- Đối với đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học: bằng 30% chỉ tiêu tuyển sinh hình thức chính quy trong cùng năm tuyển sinh;
- Đối với đào tạo trình độ đại học hình thức từ xa: bắt đầu tuyển sinh từ năm 2022 với 300 chỉ tiêu. Giai đoạn 2022-2025: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm tăng 10% so với năm trước liền kề; Giai đoạn 2026-2030: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh mỗi năm tăng 15% so với năm trước liền kề.

## PHỤ LỤC 2

## QUY MÔ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, THẠC SỸ VÀ TIẾN SỸ ĐẾN NĂM 2030

STT	Quy mô đào tạo	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm 2022		Năm 2025			Năm 2026			Năm 2028			Năm 2030			
		2018 (đã tuyển)	2019 (đã tuyển)	2020 (đã tuyển)	2021 (đã tuyển)	Dự kiến tuyển mới	Tỷ lệ % tăng s/v 2021	Quy mô đào tạo	Dự kiến tuyển mới	Tỷ lệ % tăng s/v 2023	Quy mô đào tạo	Dự kiến tuyển mới	Tỷ lệ % tăng s/v 2025	Quy mô đào tạo	Dự kiến tuyển mới	Tỷ lệ % tăng s/v 2027	Quy mô đào tạo	Dự kiến tuyển mới	Tỷ lệ % tăng s/v 2029	Quy mô đào tạo
1	<b>Sau đại học</b>																			
	1.1. Tiến sỹ	4	5	7	15	17	10	90	23	10	95	25	10	105	31	10	107	37	10	130
	1.2. Thạc sỹ	265	398	219	226	250	10	476	333	10	636	366	10	699	443	10	846	536	10	1.023
2	<b>Đại học</b>																			
	2.1. Đào tạo chính quy	1.935	2.281	2.025	2.157	2.310	10	8.773	3.075	10	10.720	3.385	10	11.795	4.100	10	14.285	4.960	10	17.295
	2.2. Đào tạo đại học chính quy, dành cho người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên	378	350	214	300	330	10	630	440	10	840	485	10	925	590	10	1.125	715	10	1.365
	2.3. Đào tạo vừa làm vừa học	756	635	671	278	795	10	2.379	1.055	10	3.685	1.160	10	4.050	1.410	10	4.905	1.700	10	5.940
	2.4. Đào tạo từ xa		-	-	-	300	0	300	400	10	1.390	460	15	1.550	610	15	2.000	805	15	2.645
	<b>Tổng quy mô:</b>							<b>12.648</b>			<b>17.366</b>			<b>19.124</b>			<b>23.268</b>			<b>28.398</b>

PHỤ LỤC 3  
**SỐ LƯỢNG NGƯỜI HỌC TỐT NGHIỆP**  
(Tính đến ngày 01/10/2021)

<b>STT</b>	<b>Hình thức đào tạo</b>	<b>Số lượng tốt nghiệp</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Tiến sỹ	70	
2.	Thạc sỹ	4.044	
3.	Đại học chính quy	24.541	
4.	Đại học văn bằng 2 chính quy	2.605	
5.	Đại học vừa làm vừa học	29.730	
6.	Đại học chuyên tu	839	
7.	Trung cấp chính quy	734	
8.	Trung cấp vừa làm vừa học	3.294	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>65.857</b>	

**PHỤ LỤC 4**  
**QUY MÔ, KINH PHÍ ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN**

<b>Năm</b>	<b>Quy mô sinh viên đại học hệ chính quy</b>	<b>Giảng viên 25SV/GV</b>	<b>Giảng viên thực tế quy đổi 25SV/GV</b>	<b>Giáo sư</b>	<b>Phó giáo sư</b>	<b>Tiến sĩ</b>	<b>Tổng tiến sĩ</b>	<b>Tiến sĩ thiếu</b>	<b>Thạc sĩ</b>	<b>Thạc sĩ thiếu</b>	<b>GV quy đổi</b>	<b>Cán bộ</b>
	8,541				18	55	73		200			117
2022	9,403	376	396	1	18	86	105		228		396	125
2023	10,007	400	421	2	21	93	116		234		421	
2024	10,562	422	447	3	24	101	128		240		447	
2025	11,560	462	475	4	27	110	141	36	246	18	475	135
2026	12,720	509	518	5	30	129	164		252		518	
2027	14,000	560	566	6	33	151	190		258		566	
2028	15,411	616	619	7	36	177	220		264		619	
2029	16,960	678	680	8	39	208	255		270		680	
2030	18,660	746	750	9	42	245	296	132	276	24	750	200

**Chi phí đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn**

<b>Năm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Định mức</b>	<b>Thành tiền</b>
2022	3	150,000,000	450,000,000
2023	4	150,000,000	600,000,000
2024	5	150,000,000	750,000,000
2025	6	150,000,000	900,000,000
<b>Cộng 2022-2025</b>			<b>2,700,000,000</b>
2026	7	200,000,000	1,400,000,000
2027	8	200,000,000	1,600,000,000
2028	9	200,000,000	1,800,000,000
2029	10	200,000,000	2,000,000,000
2030	11	200,000,000	2,200,000,000
<b>Cộng 2026-2030</b>			<b>9,000,000,000</b>
<b>Cộng</b>	<b>63</b>		<b>11,700,000,000</b>

**Chi phí đào tạo Tiến sĩ nước ngoài**

<b>Năm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Định mức</b>	<b>Thành tiền</b>
2022	1	4,700,000,000	4,700,000,000
2023	1	4,700,000,000	4,700,000,000
2024	1	4,700,000,000	4,700,000,000
2025	1	4,700,000,000	4,700,000,000
<b>Cộng 2022-2025</b>			<b>18,800,000,000</b>
2026	1	5,000,000,000	5,000,000,000
2027	1	5,000,000,000	5,000,000,000
2028	1	5,000,000,000	5,000,000,000
2029	1	5,000,000,000	5,000,000,000
2030	1	5,000,000,000	5,000,000,000
<b>Cộng 2026-2030</b>			<b>25,000,000,000</b>
<b>Cộng</b>	<b>9</b>		<b>43,800,000,000</b>

PHỤ LỤC 5  
**QUY MÔ VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT**

*DVT: 1.000.000 đ*

Năm	Quy mô NCS	Quy mô CH	Quy mô sinh viên chính quy VB2	Quy mô sinh viên chính quy VB1	Quy mô sinh viên chính quy	Diện tích đất (ha)	Tổng Kinh phí đầu tư	Chi phí giải phóng mặt bằng	Suất vốn đầu tư	Khối học tập	Khối thể thao	KTX	CT kỹ thuật
2022	90	476	630	8,773	9,403	30							
2023	58	525	690	9,317	10,007	30							
2024	72	578	760	9,802	10,562	30							
2025	95	636	840	10,720	11,560	30	1,805,566	261,612	1,543,954	926,372	154,395	385,989	77,198
2026	105	699	925	11,795	12,720	30							
2027	97	769	1,020	12,980	14,000								
2028	107	846	1,125	14,286	15,411								
2029	118	930	1,240	15,720	16,960								
2030	130	1,023	1,365	17,295	18,660	30	2,492,230		2,492,230	1,495,338	249,223	623,058	124,612
Chi phí đầu tư GD 2022-2025			1955				1,805,566	261,612	1,543,954	926,372	154,395	385,989	77,198
Tổng mức đầu tư Dự án Q9 - Giai đoạn 1									457,000				
<b>Chi đầu tư GD 2022-2025 còn phải thực hiện (trừ dự án Q9 giai đoạn 1)</b>							<b>1,348,566</b>	<b>261,612</b>	<b>1,086,954</b>	<b>652,172</b>	<b>108,695</b>	<b>271,739</b>	<b>54,348</b>
<b>Chi đầu tư GD 2026-2030</b>							<b>948,276</b>		<b>948,276</b>	<b>568,966</b>	<b>94,828</b>	<b>237,069</b>	<b>47,414</b>
<b>Tổng chi đầu tư 2022-2030 (trừ dự án Q9 giai đoạn 1)</b>							<b>2,296,842</b>	<b>261,612</b>	<b>2,035,230</b>	<b>1,221,138</b>	<b>203,523</b>	<b>508,808</b>	<b>101,762</b>
Trong đó: Dự án Q9 - Giai đoạn 2							1,613,994	257,174	1,356,820	814,092	135,682	339,205	67,841
Dự án Đà Lạt - Cam Ranh							682,848	4,438	678,410	407,046	67,841	169,603	33,921

**Ghi chú:**

\* Chi phí vốn đầu tư căn cứ vào Quyết định 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình 2020

Suất vốn đầu tư áp dụng với loại công trình trường đại học có quy mô trên 5000 SV là 133,560 triệu đồng/01 SV, trong đó:

- Khối công trình học tập và nghiên cứu khoa học 60%
- Khối công trình thể thao 10%
- Khối công trình Ký túc xá 25%
- Khối công trình Kỹ thuật là 5%

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Q9 GĐ1: 1,5 Triệu đồng/1m<sup>2</sup> (Quyết định 02/2020/QĐ-UBND về Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng giá đất TP. HCM này được áp dụng trong giai đoạn 2020-2024 về đơn giá đất ở để tính bồi thường hỗ trợ trong dự án ở quận 9; hệ số điều chỉnh 2,3 theo UBND TP. HCM ban hành Quyết định 18/2021/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn)

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Đà Lạt : 2.437.893.000 đồng (QĐ 1332/QĐ-UBND 29/05/2013: 1.619.857.000 đồng; QĐ 532/QĐ-UBND 14/03/2014: 818.036.000 đồng)

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Cam Ranh: 2.000.000.000đồng

\* Chi phí bồi thường giải tỏa:

Cơ sở	Diện tích	Số tiền đền bù	Số dự toán	Đã đền bù	Số còn phải chi
Q9	20	282,900,000,000	282,900,000,000	25,726,000,000	257,174,000,000
Đà Lạt	6		2,437,893,000		2,437,893,000
Cam Ranh	4		2,000,000,000		2,000,000,000
Cộng			287,337,893,000		261,611,893,000

**PHỤ LỤC 5A**  
**QUY MÔ VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT**  
**DỰ ÁN QUẬN 9 GIAI ĐOẠN 2 TP. THỦ ĐỨC**

*ĐVT: 1.000.000 đ*

Năm	Diện tích đất (ha)	Tổng kinh phí dự án	Chi phí giải phóng mặt bằng	Xây dựng				
				Cộng	Khối học tập	Khối thể thao	KTX	CT kỹ thuật
Chi đầu tư GD 2022-2025	20	1,344,128	257,174	1,086,954	652,172	108,695	271,739	54,348
Chi đầu tư GD 2026-2030		269,866		269,866	161,920	26,987	67,467	13,493
Tổng chi đầu tư 2022-2030		1,613,994	257,174	1,356,820	814,092	135,682	339,205	67,841

**Ghi chú:**

\* Chi phí vốn đầu tư căn cứ vào Quyết định 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình 2020

Suất vốn đầu tư áp dụng với loại công trình trường đại học có quy mô trên 5000 SV là 133,560 triệu đồng/01 SV, trong đó:

- Khối công trình học tập và nghiên cứu khoa học 60%
- Khối công trình thể thao 10%
- Khối công trình Ký túc xá 25%
- Khối công trình Kỹ thuật là 5%

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Q9 GD1: 1,5 Triệu đồng/1m<sup>2</sup> (Quyết định 02/2020/QĐ-UBND về Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng giá đất TP. HCM này được áp dụng trong giai đoạn 2020-2024 về đơn giá đất ở để tính bồi thường hỗ trợ trong dự án ở quận 9; hệ số điều chỉnh 2,3 theo UBND TP. HCM ban hành Quyết định 18/2021/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn)



**PHỤ LỤC 5B**  
**QUY MÔ VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT**  
**DỰ ÁN CAM RANH - ĐÀ LẠT**

*ĐVT: 1.000.000 đ*

Năm	Quy mô NCS	Quy mô CH	Quy mô sinh viên chính quy VB2	Quy mô sinh viên chính quy VB1	Diện tích đất (ha)	Tổng kinh phí dự án	Chi phí giải phóng mặt bằng	Xây dựng				
								Tổng	Khôi học tập	Khôi thể thao	KTX	CT kỹ thuật
Chi đầu tư GD 2022-2025					10	4,438	4,438	0	0	0	0	0
Chi đầu tư GD 2026-2030						2,492,230		2,492,230	1,495,338	249,223	623,058	124,612
Tổng chi đầu tư 2022-2030						2,496,668	4,438	2,492,230	1,495,338	249,223	623,058	124,612

**Ghi chú:**

\* Chi phí vốn đầu tư căn cứ vào Quyết định 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình 2020 Suất vốn đầu tư áp dụng với loại công trình trường đại học có quy mô trên 5000 SV là 133,560 triệu đồng/01 SV, trong đó:

- Khối công trình học tập và nghiên cứu khoa học 60%
- Khối công trình thể thao 10%
- Khối công trình Ký túc xá 25%
- Khối công trình Kỹ thuật là 5%

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Đà Lạt: 2.437.893.000 đồng (QĐ 1332/QĐ-UBND 29/05/2013: 1.619.857.000 đồng; QĐ 532/QĐ-UBND 14/03/2014: 818.036.000 đồng)

\* Chi phí giải phóng mặt bằng Dự án Cam Ranh: 2.000.000.000 đồng

PHỤ LỤC 6  
KINH PHÍ PHÁT TRIỂN NGUỒN HỌC LIỆU

*ĐVT: 1.000.000đ*

Năm	Giáo trình				Thành tiền
	Số GT viết mới	Số trang	Số GT chỉnh lý	Số trang	
<b>2010</b>	3	1500	2	1000	822,500,000
2011	5	2500	4	2000	927,500,000
2022	3	1,500	5	1,250	520
2023	3	1,500	5	1,250	520
2024	5	2,500	5	1,250	709
2025	5	2,500	5	1,250	709
<b>Cộng 2022-2025</b>					2,459
2026	7	5,000	5	1,250	1,182
2027	7	5,000	5	1,250	1,182
2028	7	5,000	5	1,250	1,182
2029	9	5,000	5	1,250	1,182
2030	11	5,000	5	1,250	1,182
<b>Cộng 2026-2030</b>					<b>4,729</b>
<b>Tổng số:</b>	<b>57</b>				<b>7,188</b>

**Ghi chú:**

GT viết mới và giáo trình chỉnh lý, sửa chữa bổ sung dự tính 500 trang/ giáo trình

Tài liệu hướng dẫn học tập dự tính 250 trang/tài liệu

Chi phí 01 trang in: 150đ/trang

Chi phí biên soạn: 135.000đ/trang (theo quy chế thu chi nội bộ của Trường)

Chi phí chỉnh lý: 67.500đ/trang (theo quy chế thu chi nội bộ của Trường)

**PHỤ LỤC 7**  
**KINH PHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

ĐVT: 1.000.000đ

TT	Năm	Số đề tài Cấp Nhà nước	Số đề tài Cấp Bộ	Số đề tài Cấp trường	Số đề tài NCKH SV	Số giáo trình, sách tình huống, sách chuyên khảo được xuất bản	Thưởng bài báo quốc tế	Tổ chức hội thảo khoa học Cấp quốc gia	Tổ chức hội thảo khoa học Cấp quốc tế	Tổ chức hội thảo khoa học Cấp Trường	Tổ chức hội thảo khoa học Cấp khoa	Hoạt động của nhóm nghiên cứu	Hoạt động của Hội đồng KH&ĐT	Chi tham gia các cuộc thi học thuật cho sinh viên	Chi tham gia các hội thảo khoa học, ĐTNH, ĐTDH cho giảng viên, cán bộ quản lý		Xây dựng hệ thống thư viện, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ	Chi hoạt động NCKH khác hàng năm	Thành tiền
															Trong nước	Nước ngoài			
1	2022	0	4	23	150	5	20	3	4	5	20	1	2	3	5	2	300	300	9,350
2	2023	1	2	25	160	5	30	3	5	5	22	2	2	3	6	3	300	300	13,240
3	2024	1	2	27	170	5	40	3	6	6	26	2	2	3	7	4	300	300	14,780
4	2025	2	2	29	180	5	50	3	6	6	28	2	2	3	8	5	300	300	18,970
<b>Cộng 2022-2025</b>		<b>4</b>	<b>10</b>	<b>104</b>	<b>660</b>	<b>20</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>96</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>12</b>	<b>26</b>	<b>14</b>	<b>1200</b>	<b>1200</b>	<b>56,340</b>
6	2026	1	3	31	190	5	60	4	6	7	28	2	2	3	10	5	300	400	17,760
7	2027	1	3	33	200	5	70	4	7	7	30	2	2	4	10	5	300	400	19,150
8	2028	1	3	35	210	5	80	4	7	8	32	3	2	5	10	5	300	400	20,540
9	2029	1	3	37	215	5	90	4	8	8	34	3	2	6	10	6	300	400	21,935
10	2030	1	3	40	220	5	100	4	8	9	36	3	2	6	10	6	300	400	23,200
<b>Cộng 2026-2030</b>		<b>5</b>	<b>15</b>	<b>176</b>	<b>1035</b>	<b>25</b>	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>36</b>	<b>39</b>	<b>160</b>	<b>13</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>50</b>	<b>27</b>	<b>1500</b>	<b>2000</b>	<b>102,585</b>
<b>Tổng số:</b>		<b>9</b>	<b>25</b>	<b>280</b>	<b>1695</b>	<b>45</b>	<b>540</b>	<b>32</b>	<b>57</b>	<b>61</b>	<b>256</b>	<b>20</b>	<b>18</b>	<b>36</b>	<b>76</b>	<b>41</b>	<b>2700</b>	<b>3200</b>	<b>158,925</b>

**Ghi chú:**

- Đề tài NCKH trọng điểm cấp trường kinh phí thực hiện 100 triệu đồng/01 đề tài

- Đề tài NCKH cấp trường khác kinh phí thực hiện 60 triệu đồng/01 đề tài

Kinh phí thực hiện đề tài cấp bộ 300 triệu đồng/01 đề tài

Kinh phí thực hiện đề tài cấp Nhà nước 3.000 triệu đồng/01 đề tài

Kinh phí viết sách tình huống, giáo trình: 100 triệu/ đầu sách

Kinh phí thưởng bài báo quốc tế: 90 triệu/ bài báo

Kinh phí tổ chức hội thảo khoa học:

1. Cấp quốc gia: 180 triệu/ hội thảo

2. Cấp quốc tế: 200 triệu/ hội thảo

3. Cấp trường: 100 triệu/ hội thảo

4. Cấp khoa: 25 triệu/ hội thảo

Hoạt động của nhóm nghiên cứu: 100 triệu/ nhóm/ năm

Hoạt động của Hội đồng KH&ĐT: 50 triệu/ cuộc họp/ năm

Chi tham gia các cuộc thi học thuật cho sinh viên: 50 triệu/ cuộc thi

Chi tham gia các hội thảo khoa học, ĐTNT, ĐTDH cho giảng viên, cán bộ quản lý tham gia các hội thảo khoa học cho giảng viên, cán bộ quản lý

1. Trong nước: 10 triệu/ chuyến

2. Nước ngoài: 40 triệu/ chuyến

Chi hoạt động NCKH khác (các hội đồng, giải thưởng...): 300 - 400 triệu/ năm

Xây dựng hệ thống thư viện, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ: 300 triệu/ năm

**PHỤ LỤC 8**  
**KINH PHÍ ĐẦU TƯ TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP**  
**CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN**

ĐVT: 1.000.000 đ

<b>Năm</b>	<b>Tên Loại</b>	<b>Số lượng/ 12 tháng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Chi phí /01SV</b>
2022	400 Sách tiếng Việt	3000	0.070	210		
	40 Sách nước ngoài	100	1.500	150		
	5 Giáo trình	100	0.150	15		
	53 đầu tạp chí	3850	0.050	193		
	22 đầu báo	500	0.008	4		
	CSDL Westlaw		390	390		
	CSDL Heinonline		230	230		
	CSDL luatvietnam		10	10		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		450	450		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	40		
	Phần mềm thư viện số		-	40		
	Sách điện tử		-	150		
	Tạp chí điện tử		-	100		
	Chi phí chuyển đổi RFID			0.0038	3,800	
	<b>Cộng</b>			<b>5,787</b>	<b>9,403</b>	1.625
2023	450 Sách tiếng Việt	3300	0.080	264		
	40 Sách nước ngoài	120	1.800	216		
	8 Giáo trình	160	0.170	27		
	60 đầu tạp chí	4000	0.055	220		
	22 đầu báo	500	0.009	4		
	CSDL Westlaw		390	390		
	CSDL Heinonline		-	-		
	CSDL luatvietnam		11	11		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		500	500		
	CSDL Cambridge		-	200		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	40		

	Phần mềm thư viện số		-	40		
	Sách điện tử		-	70		
	Tạp chí điện tử		-	50		
	RFID	2500	0	18		
	<b>Cộng</b>			<b>2,055</b>	<b>10,007</b>	4.869
2024	500 Sách tiếng Việt	3600	0.090	324		
	50 Sách nước ngoài	140	2.000	280		
	10 Giáo trình	200	0.180	36		
	65 đầu tạp chí	4200	0.060	252		
	22 đầu báo	500	0.010	5		
	CSDL Westlaw		400	400		
	CSDL Heinonline		-	-		
	CSDL luatvietnam		11	11		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		550	550		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	100		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	40		
	Phần mềm thư viện số		-	40		
	Sách điện tử		-	120		
	Tạp chí điện tử		-	100		
	RFID	3000	0.0075	23		
<b>Cộng</b>			<b>2,285</b>	<b>10,562</b>	4.622	
2025	550 Sách tiếng Việt	4000	0.100	400		
	50 Sách nước ngoài	140	2.300	322		
	10 Giáo trình	200	0.180	36		
	70 đầu tạp chí	4500	0.065	293		
	25 đầu báo	500	0.010	5		
	CSDL Westlaw		400	400		
	CSDL Heinonline		250	250		
	CSDL luatvietnam		11	11		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		600	600		
CSDL Cambrige		-	-			

	CSDL Oxford		-	-		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	40		
	Phần mềm thư viện số		-	40		
	Sách điện tử		-	120		
	Tạp chí điện tử		-	100		
	RFID	3500	0.008	28		
	<b>Cộng</b>			<b>2,622</b>	<b>11,560</b>	4.410
<b>Cộng 2022-2025</b>				<b>12,748</b>		
2026	600 Sách tiếng Việt	4200	0.110	462		
	50 Sách nước ngoài	140	2.300	322		
	10 Giáo trình	200	0.180	36		
	70 đầu tạp chí	4500	0.065	293		
	25 đầu báo	500	0.010	5		
	CSDL Westlaw		410	410		
	CSDL Heinonline		-	-		
	CSDL luatvietnam		12	12		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		700	700		
	Dịch giáo trình nước ngoài	1	150	150		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	50		
	Phần mềm thư viện số		-	50		
	Sách điện tử		-	100		
	Tạp chí điện tử		-	50		
RFID	4000	0.009	36			
	<b>Cộng</b>			<b>2,681</b>	<b>12,720</b>	4.745
2027	650 Sách tiếng Việt	4500	0.130	585		
	55 Sách nước ngoài	170	2.500	425		
	10 Giáo trình	250	0.180	45		
	75 đầu tạp chí	5000	0.065	325		
	25 đầu báo	200	0.010	2		
	CSDL Westlaw		410	410		

	CSDL Heinonline		270	270		
	CSDL luatvietnam		12	12		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		750	750		
	Dịch giáo trình nước ngoài	1	170	170		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	-		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	100		
	Phần mềm thư viện số		-	200		
	Sách điện tử		-	150		
	Tạp chí điện tử		-	100		
	RFID	4500	0.010	45		
	<b>Cộng</b>			<b>3,594</b>	<b>14,000</b>	3.895
2028	700 Sách tiếng Việt	5000	0.170	850		
	60 Sách nước ngoài	200	2.500	500		
	15 Giáo trình	300	0.200	60		
	75 đầu tạp chí	5000	0.065	325		
	25 đầu báo	200	0.010	2		
	CSDL Westlaw		420	420		
	CSDL Heinonline		-	-		
	CSDL luatvietnam		13	13		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		800	800		
	Dịch giáo trình nước ngoài	1	200	200		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	-		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	100		
	Phần mềm thư viện số		-	200		
	Sách điện tử		-	150		
	Tạp chí điện tử		-	100		
	RFID	5000	0.0105	53		
<b>Cộng</b>			<b>3,778</b>	<b>15,411</b>	4.080	
2029	750 Sách tiếng Việt	5500	0.180	990		
	65 Sách nước ngoài	230	2.600	598		



	20 Giáo trình	350	0.220	77		
	80 đầu tạp chí	5000	0.070	350		
	30 đầu báo	300	0.012	4		
	CSDL Westlaw		420	420		
	CSDL Heinonline		-	-		
	CSDL luatvietnam		14	14		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		850	850		
	Dịch giáo trình nước ngoài	1	230	230		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	-		
	Website thư viện		-	15		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	100		
	Phần mềm thư viện số		-	200		
	Sách điện tử		-	50		
	Tạp chí điện tử		-	50		
	RFID	5500	0.011	61		
	<b>Cộng</b>			<b>4,008</b>	<b>16,960</b>	4.231
2030	800 Sách tiếng Việt	5500	0.200	1,100		
	70 Sách nước ngoài	300	3.000	900		
	20 Giáo trình	400	0.250	100		
	80 đầu tạp chí	5500	0.070	385		
	25 đầu báo	200	0.015	3		
	CSDL Westlaw		450	450		
	CSDL Heinonline		300	300		
	CSDL luatvietnam		15	15		
	CSDL E-book		-	-		
	CSDL sách GT nước ngoài		900	900		
	Dịch giáo trình nước ngoài	1	250	250		
	CSDL Cambrige		-	-		
	CSDL Oxford		-	-		
	Website thư viện		-	5		
	Phần mềm quản lý thư viện		-	50		
	Phần mềm thư viện số		-	50		
Sách điện tử		-	50			

	Tạp chí điện tử		-	100		
	RFID	6000	0.012	72		
	<b>Cộng</b>			<b>4,730</b>	<b>18,660</b>	<b>3.945</b>
	<b>Cộng 2026-2030</b>			<b>18,790</b>		
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>31,538</b>		



<b>HỌC TẬP - NGHIÊN CỨU</b>		<b>2,950</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>	<b>2,050</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>	<b>1,070</b>
1	Đầu tư hệ thống máy chủ	2,000	20	20	20	20	1,000	20	20	20	20
2	Duy trì, nâng cấp tài nguyên đám mây (iCloud)	200	300	300	300	300	300	300	300	300	300
3	E-Learning, Video bài giảng	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200
4	Thiết bị phục vụ Elearning	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
5	Ngân hàng đề thi, thi trực tuyến	300	300	300	300	300	300	300	300	300	300
6	Cổng thông tin sinh viên, dịch vụ một cửa cho sinh viên	150	150	150	150	150	150	150	150	150	150
<b>PHẦN MỀM ỨNG DỤNG - TÍCH HỢP</b>		<b>0</b>	<b>1,880</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,700</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>	<b>1,040</b>
1	Quản lý tài sản, trang thiết bị	0	200	20	20	20	50	20	20	20	20
2	Quản lý Văn bằng chứng chỉ	0	200	20	20	20	50	20	20	20	20
3	Quản trị tài chính (học phí)	0	30	30	30	30	100	30	30	30	30
4	Quản lý đào tạo	0	50	50	50	50	400	50	50	50	50
5	Đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống	0	300	20	20	20	200	20	20	20	20
6	Khai thác và quản lý tài nguyên, số hoá	0	500	300	300	300	300	300	300	300	300
7	Tích hợp hệ thống phần mềm ứng dụng	0	300	300	300	300	300	300	300	300	300
8	Phí bảo trì hệ thống phần mềm	0	300	300	300	300	300	300	300	300	300
<b>CỘNG</b>		<b>14,900</b>	<b>10,850</b>	<b>4,560</b>	<b>4,510</b>	<b>4,510</b>	<b>15,330</b>	<b>4,660</b>	<b>4,510</b>	<b>4,510</b>	<b>4,510</b>